

Việt Nam ベトナム語

TP Iseaki

Tài liệu hướng dẫn đời sống
Cho người ngoại quốc

いせさきし
がいこくじん
せいかつガイドブック

れいわ ねん がつ かいてい
令和7年4月 改訂

いせさきし
伊勢崎市

Mục lục

Tư vấn	Phòng tư vấn	3p
	Trung tâm tư vấn cho người ngoại quốc tại Tỉnh Gunma	3p
	Trang Face book của Trung tâm tư vấn tổng hợp cho người ngoại quốc tỉnh Gunma. One Stop Center	5p
Thủ tục	Nộp đơn xin quốc tịch • Khi nhập quốc tịch Nhật bản	5p
	Khai báo / Giấy thường trú	7p
	My Number / Giấy đăng ký con Dấu (Inkan toroku)	9p
	Tiền thuế	11p
Sức khỏe Phúc lợi	Bảo hiểm sức khỏe	15p
	Phí Y tế phúc lợi	17p
	Hệ thống Bảo hiểm Y tế cho Người Cao Tuổi	17p
	Bảo hiểm trợ giúp người già , người bệnh	19p
	Phúc lợi cho người Khuyết tật	21p
	Tiền hưu quốc dân	21p
	Xúc tiến bảo vệ sức khỏe	25p
Chăm sóc trẻ em Giáo dục	Việc trợ giúp nuôi dạy con em	31p
	Nhà trẻ / Trường mẫu giáo	33p
	Tiểu học • Trung học	35p
Cuộc sống	Khóm Trưởng và hội đồng khu phố	37p
	Âm thanh lớn và tiếng nói chuyện	37p
	Cách vứt Rác (Gomi)	39p
	Luật giao thông	41p
	Việc nuôi Chó	43p
	Thông tin đời sống trên Inter Net	45p
	Chung cư thành phố (Shiei jutaku)	47p
	Sử dụng nước sạch và nước thải	49p
Phòng chống thiên tai Phòng chống tội phạm	Phòng chống thiên tai	53p
	Cảnh sát	57p
	Cứu thương / Cứu hỏa	57p

Lời chào

Tài liệu này , mục đích thông tin những điều cần thiết trong đời sống cho những hộ đang sống tại Isesaki , hoặc từ đây muốn sống tại Isesaki , Tòa hành chánh mở cửa từ 8 : 30 đến 17 : 15 (Ngoại trừ một số địa điểm.)

もくじ

相談	相談窓口(そうだんまどぐち)	3p
	ぐんま外国人総合相談ワンストップセンター	3p
	ぐんま外国人総合相談ワンストップセンターFacebook	5p
必要な手続き	帰化(きか)・国籍取得(こくせきしゅとく)	5p
	届出(とどけで) / 住民票(じゅうみんひょう)	7p
	マイナンバー / 印鑑登録(いんかんとうろく)	9p
	税金(ぜいきん)	11p
健康と福祉	国民健康保険(こくみんけんこうほけん)	15p
	福祉医療費(ふくしいりょうひ)	17p
	後期高齢者医療制度(こうきこうれいしゃいりょうせいど)	17p
	介護保険(かいごほけん)	19p
	障害者福祉(しょうがいしゃふくし)	21p
	国民年金(こくみんねんきん)	21p
	健康(けんこう)づくり	25p
育児と教育	児童福祉(じどうふくし)	31p
	保育所(ほいくしょ) / 幼稚園(ようちえん)	33p
	小学校・中学校(しょうがっこう・ちゅうがっこう)	35p
くらし	町内会(ちょうないかい)と区長(くちょう)さん	37p
	大(おお)きな音(おと)や声(こえ)	37p
	ごみの出し方(だしかた)	39p
	交通(こうつう)ルール	41p
	飼い犬(かいいぬ)について	43p
	インターネットの生活情報(せいかつじょうほう)	45p
	市営住宅(しえいじゅうたく)	47p
	上下水道(じょうげすいどう)の使用(しょう)	49p
防災と防犯	防災(ぼうさい)	53p
	警察(けいさつ)	57p
	救急・消防(きゅうきゅう・しょうぼう)への通報(つうほう)	57p

あいさつ

この本は、伊勢崎市に住んでいる、またはこれから住もうとしている外国人の方のために、生活に必要な市役所のサービスなどをまとめたものです。市役所は一部を除き、月曜日から金曜日までの8:30から17:15まで開いています。

Phòng tư vấn (Sodan Madoguchi)

Tòa hành chánh có nhiều ban nhận tư vấn đời sống cho bạn. Khi gặp khó khăn, xin liên hệ các nơi sau đây.

● Phòng tư vấn cho người ngoại quốc

Có nhân viên tư vấn bằng tiếng Portugal, tiếng Spain, tiếng Tagarogu, tiếng Anh, Tiếng Việt, và tiếng Nhật, các thứ tiếng khác sẽ được ứng xử bằng máy phiên dịch.

[Đ i a đ i ể m] Tại cửa số 2 tầng 1 tòa nhà chính thành phố

[T h ò i g i a n] Từ 8:30 giờ sáng đến 5 giờ chiều

[Xin gọi đến số] 0270-24-5111



● Tư vấn về Nhân quyền • Pháp luật • Hành chánh

Vấn đề Kết hôn • Ly hôn • Mượn hoặc vay tiền • Tai nạn giao thông • Lao động

Luật sư ủy viên bảo vệ nhân quyền, ủy viên hành chánh sẽ giúp bạn

- Xin hẹn ngày giờ qua điện thoại : Sẽ nhận xin tư vấn trước 1 tuần

- Khi đăng ký xin tư vấn , Bạn sẽ được hẹn ngày giờ tư vấn

- Từ 14: 00 đến 16 : 00 (1 người 20 phút)

- Phòng nhân quyền TEL 0270-27-2730

- Hội trường và ngày giờ

Phòng nhân quyền , cửa số 23 : Thứ Sáu tuần thứ 1 và tuần thứ 3 trong tháng

Tại chi nhánh Akabori : Thứ Ba của tuần thứ 4 mỗi tháng

Tại phòng phục vụ nhân dân của Chi nhánh Azuma vào Thứ ba tuần thứ 2 trong tháng. Tại chi nhánh Sakai : Thứ Ba của tuần thứ 3 mỗi tháng

※ Có thể thay đổi tùy theo ngày nghỉ lễ trong tháng

※ Tại các chi sở hành chánh chỉ có tư vấn về pháp luật .

※ Trường hợp cần có phiên dịch khi trao đổi, cần điều chỉnh với

Phòng Đa văn hóa và Hòa nhập.

● Tư vấn DV (Tư vấn về nạn domestic violence)

Sẽ giúp tư vấn về nạn DV và giới thiệu các văn phòng tư vấn

- [Xin gọi đến số] TEL 0270-27-5811

- [Thời gian • Thứ/ Ngày thứ] Thứ hai đến Thứ sáu (Ngày thường) 9 : 00~16 : 00

※ Trường hợp cần có phiên dịch khi trao đổi, cần điều chỉnh với

Phòng Đa văn hóa và Hòa nhập.

Trung tâm tư vấn cho người ngoại quốc tại Tỉnh Gunma

Được tư vấn bằng nhiều thứ tiếng cho đời sống và công ăn việc làm. Nhận tư vấn cho các công ty, nghiệp đoàn đang nhận người ngoại công làm việc.

(Các thứ tiếng sẽ được phân chia qua các ngày trong tuần)

[Đ i a đ i ể m] 〒371-0026 Maebashi-shi Otemachi1-1-1

Gunmakenchou Tầng 1 tòa nhà Shouwa

[Xin gọi đến số] 027-289-8275

[Thời gian • Thứ/ Ngày thứ] Thứ hai đến Thứ sáu (Ngày thường) 9 : 00~17 : 00

相談窓口(そうだんまどぐち)

市役所では、さまざまな相談窓口を開いています。お困りごとがあれば、以下の窓口を利用してください。

●外国人総合相談窓口

ポルトガル語、スペイン語、カタル語、英語、ベトナム語、日本語を話せる相談員がいます。
その他の言語は音声翻訳機を使用します。

[場 所] 市役所本館 1 階 2 番窓口

[時 間] 8:30~17:00

[電話番号] 0270-24-5111

●人権・法律・行政相談

結婚・離婚・金の貸し借り・交通事故・労働問題などの心配ごとについて、
弁護士、人権擁護委員、行政相談委員が相談にあたります。

- ・電話予約制：申込は相談日の 7 日前から受付
- ・申込のときに、当日の相談時間をお話しします。
- ・14:00~16:00(1 人 20 分間)
- ・人権課 TEL 0270-27-2730
- ・会場と日程：人権課 毎月 第 1・3 金曜日
赤堀支所庶務課 毎月 第 4 火曜日
あずま支所庶務課 毎月 第 2 火曜日
境支所庶務課 毎月 第 3 火曜日

※祝日などの都合により日程が変更となる場合があります。

※支所は法律相談(日本語)のみです。

※相談の際に通訳が必要な場合は、多文化共生課と調整が必要です。

●DV 相談

DV に関する相談や各種相談機関の紹介などの支援を行います。

[電話番号] 0270-27-5811

[曜日と時間] 月~金(平日のみ) 9:00~16:00

※通訳が必要な場合には、多文化共生課と調整が必要です。

ぐんま外国人総合相談ワンストップセンター

生活や仕事の悩みごとを色々な言葉で相談が出来ます。外国人を受け入れている
事業者等からの相談も受け付けています。(曜日により対応言語が異なります)

[場 所] 〒371-0026 前橋市大手町 1-1-1 昭和庁舎 1 階

[電 話 番 号] 027-289-8275

[曜日と時間] 月~金(平日のみ) 9:00~17:00

Trang Face book của Trung tâm tư vấn tổng hợp cho người ngoại quốc tỉnh Gunma. One Stop Center

Tiếng Nhật dễ hiểu	Tiếng Anh	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Tây ban nha
			
Tiếng Việt	Tiếng Hoa (Chữ hán đơn giản)	Tiếng Hoa (Chữ hán nguyên mẫu)	Tiếng Nepal
			

[Phương cách dùng Messenger của Facebook để xin tư vấn]

1. Dùng Facebook gõ 「Gtia Gunma」
2. Kết bạn với 「Gita Gunma」
3. 「Xin tư vấn qua Messenger」
4. Đợi hồi âm từ Messenger

●Tư vấn pháp luật miễn phí

Các vấn đề khó khăn phát sinh trong sinh hoạt, được luật sư tư vấn miễn phí.

※Sẽ có nhân viên phiên dịch giúp đỡ.

(Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Portugal, Tiếng Trung, tiếng Spain, Tiếng Nepal)

※Vì cần phải hẹn trước, vì vậy xin gọi để hẹn trước.

Nộp đơn xin quốc tịch • Khi nhập quốc tịch Nhật bản

Việc nộp đơn • việc nhập quốc tịch , thì không làm tại tòa hành chánh , xin hỏi tại sở tư pháp địa phương Maebashi

[Đ i a đ i ể m] 〒371-8535 Maebashi Shi Ote Machi 2 Cho Me 3-1 .

Tầng 4 Maebashi Chiho Godo Chosha

[Xin gọi đến số] 027-221-4466

ぐんま外国人総合相談ワンストップセンターFacebook

やさしい日本語	英語	ポルトガル語	スペイン語
			
ベトナム語	中国語（簡体字）	中国語（繁体字）	ネパール語
			

[Facebook の Messenger でオンライン相談のやり方]

1. Facebook で「Gtia Gunma」を検索する
2. 「Gtia Gunma」に友達のリクエスト申請をする
3. Messenger で「オンライン相談希望」と送る
4. Messenger で連絡が来るのを待つ

●無料法律相談

生活全般のトラブルについて、弁護士に無料で相談ができます。

※通訳がいます。

（英語 ポルトガル語 ベトナム語 中国語 スペイン語 ネパール語）

※事前の予約が必要です。詳しくはお問い合わせください。

帰化(きか)・国籍取得(こくせきしゅとく)

帰化申請・国籍取得については、市役所ではなく前橋地方法務局にお問い合わせください。

【場 所】〒371-8535 前橋市大手町二丁目 3-1 前橋地方合同庁舎 4 階

【電話番号】027-221-4466

Khai báo(Todokede)

Xin hỏi tại phòng thị dân cửa số TEL 0270-27-2729,
Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

● Khi thay đổi chỗ ở ...Nội trong 14 ngày phải khai báo

Giấy tờ cần thiết...Thẻ lưu trú hoặc thẻ chứng minh vĩnh trú đặc biệt, các loại giấy tờ chứng minh bản thân

Giấy chứng minh xuất cư (Khi xin nhập cư)

Hộ chiếu (Trường hợp nhập cư)

Khi muốn nhập cư vào Tp Isesaki	Mang giấy 「Chứng nhận xuất cư」 của nơi cư trú cũ đã cấp cho bạn để làm thủ tục nhập cư
Khi từ Isesaki muốn chuyển đi nơi khác	Mang giấy 「Chứng nhận xuất cư」 của Tp Isesaki cấp, để làm thủ tục nhập cư nơi mình chuyển đến
Khi di dời chỗ ở trong thành phố	Xin đến làm thủ tục thay đổi địa chỉ

● Khi đã sinh con cái tại Nhật Bản

Nội trong 14 ngày (Tính từ ngày sinh) Hãy mang chứng minh xuất sinh (Shutusho shomei) và Sổ tay mẹ con (Bosikenkotecho) đến để đăng ký khai sinh



● Khi gia đình có người mất tại Nhật Bản

Nội trong 7 ngày kể từ ngày xác nhận đã chết Mang chứng minh tử vong (shiboshindansho) đến để khai báo việc từ trần

● Việc đăng ký Kết hôn (kekkon) hay Ly hôn(rikon)

Người vợ, chồng của bạn thuộc nước nào, thì điều kiện và các giấy tờ có thể khác Và, cũng có trường hợp không được thụ lý

Xin hỏi trước để biết

Giấy thường trú (Juminhyo)

Quầy phụ trách : Phòng thị dân tòa hành chánh TEL 0270-27-2727

Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Trung tâm hành chính Isesaki Gardens/ Trung tâm hành chính Isesaki Smark

Ai có đăng ký thường trú tại Thành phố Isesaki thì được chứng nhận các tiết mục đăng ký trong giấy thường trú Giấy thường trú, cần dùng cho nhiều thủ tục cần thiết trong đời sống

● Cần các giấy tờ...Cần phải có thẻ lưu trú hoặc thẻ chứng minh vĩnh trú đặc biệt để xác nhận thông tin cá nhân

Người ngoại quốc cũng được ghi trong sổ Jumin Kihon Daicho

Từ ngày 9 Tháng 7 Năm H24, luật pháp thay đổi, Người có tiêu chuẩn lưu trú trên 3 tháng, thì được đăng ký trong sổ (Juminkihon daicho) giống như người Nhật Khi cần chứng minh Họ Tên, địa chỉ, xin dùng giấy thường trú **(Juminhyo)**.

届出(とどけで)

担当窓口：市民課（TEL 0270-27-2729）、各支所市民サービス課

- 住所が変わったら…14 日以内に届出をしてください。
必要書類…在留カードや特別永住者証明書などの本人確認書類
転出証明書(転入の場合)
パスポート(国外転入の場合)

伊勢崎市に住みはじめる	前に住んでいた町で発行された「転出証明書」を持って転入届をしてください。
伊勢崎市から出てほかの町に住む	伊勢崎市で発行する「転出証明書」を持って、引っ越した先の町で転入届をしてください。
伊勢崎市内で住所が変わった	転居届をしてください。

- 日本で子どもが生まれたら…
14 日以内〔出生した日を含む〕に、出生証明書と母子健康手帳を持って出生届をしてください。
- 日本でご家族が亡くなったら…
7 日以内〔死亡を知った日を含む〕に、死亡診断書を持って、死亡届をしてください。
- 結婚と離婚の届出
あなたと相手の出身国によって、必要な書類や成立要件などが異なります。
また、受理することができない場合があります。窓口にご相談してください。

住民票(じゅうみんひょう)

担当窓口：市民課（TEL 0270-27-2727）、各支所市民サービス課、
いせさきガーデンズ行政センター／スマーク伊勢崎行政センター

伊勢崎市に住所を登録した人は、住民票に記載されます。
住民票は、いろいろな手続きに利用されます。

- 必要書類…在留カードや特別永住者証明書などの本人確認書類が必要です。
外国人の方も住民基本台帳に記載されます。
平成 24 年 7 月 9 日に法律が変わり、3 カ月を越える在留資格を持つ人は、日本人と同じ住民基本台帳に記載されます。
名前や住所の証明書は**住民票**をご利用ください。



My Number

Quầy phụ trách: Phòng thị dân tòa hành chánh TEL 0270-27-6276,
Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

- My Number (mã số cá nhân) được dùng cho 3 việc : Bảo trợ an sinh xã hội, việc đóng thuế và khi gặp thiên tai. Sau ngày 5 tháng 10 năm Heisei 27, khi người ngoại quốc nhập cư vào Nhật bản hay được sinh ra tại Nhật bản, sẽ được cấp mã số cá nhân với 12 đơn vị số, thẻ thông báo mã số cá nhân sẽ được gửi đến nhà nơi có đăng ký thường trú. Hãy bảo quản cẩn thận.

※ Thẻ thông báo mã số cá nhân sẽ được gửi từ bưu điện (qua thư bảo đảm), và mất khoảng vài tuần để đến nhà bạn.

※ Không được cho người khác biết mã số cá nhân của mình.

● My Number Card

My Number Card (mã số cá nhân) có đính ảnh cá nhân.

Ngoài việc có thể được dùng như giấy tờ chứng minh nhân thân thì còn có thể dùng để lấy các loại giấy chứng nhận như phiếu cư trú, v.v... tại combini.

My Number Card có thời hạn sử dụng. Diện dưới 18 tuổi cho thời hạn tới ngày sinh lần thứ năm, diện trên 18 tuổi hạn tới ngày sinh nhật lần thứ 10. Người có thời hạn lưu trú được tính tới ngày cuối cùng của hạn lưu trú.



Giấy đăng ký con Dấu (Inkan toroku)

Quầy phụ trách: Phòng thị dân tòa hành chánh TEL 0270-27-2727
Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Trung tâm hành chính Isesaki Gardens/ Trung tâm hành chính Isesaki Smark

Lúc mua Xe , hay lúc thuê nhà , có trường hợp cần đến giấy chứng đăng ký con Dấu (inkan toroku shomeisho)

- Cách đăng ký...Mang con Dấu mình muốn đăng ký , và thẻ lưu trú . các giấy chứng minh bản thân đến tại cửa nói trên để xin làm thủ tục đăng ký

※ Con Dấu không có viền vòng , Dấu bị vỡ , Dấu bằng cao su , và có dấu hiệu khác với Họ Tên của người đăng ký thì không đăng ký được .

■ Các loại giấy chứng nhận

Loại giấy chứng minh	Lệ phí
Chứng nhận hộ tịch có toàn hộ (Tohon)	1 tờ 450 yên
Chứng nhận hộ tịch cho một cá nhân mình (Shohon)	1 tờ 450 yên
Giấy thường trú	1 tờ 300 yên
Giấy chứng minh các tiết mục thường trú	1 tờ 300 yên
Giấy chứng nhận con Dấu	1 tờ 300 yên
Đăng ký con Dấu	1 tờ 200 yên

マイナンバー

担当窓口：市民課（TEL 0270-27-6276）、各支所市民サービス課

- マイナンバー（個人番号）は、日本国内での社会保障や税、災害対策の3分野で利用されるものです。平成27年10月5日以降、国外からの転入や出生などで初めて住民票が作成される際に12桁のマイナンバーが付番され、住民登録した市町村からマイナンバーのお知らせが届きます。大切に保管してください。
※マイナンバーの通知は、郵便（簡易書留）であなたの住所に届きます。
また、届くまでに数週間かかります。
※みだりにマイナンバーを他人に教えないでください。

- マイナンバーカード
マイナンバーカードは、マイナンバー（個人番号）が記載された顔写真付きのカードです。本人確認書類やマイナンバーを証明する書類として利用できるほか、コンビニエンスストアで住民票などの各種証明書を取得できます。

マイナンバーカードには有効期限があります。18歳未満の方は5回目の誕生日まで、18歳以上の方は10回目の誕生日まで、在留期間に定めのある方は在留期限まで。

印鑑登録(いんかんとうろく)

担当窓口：市民課（TEL 0270-27-2727）、各支所市民サービス課、いせさきガーデンズ行政センター／スマーク伊勢崎行政センター

車を買う時、アパートを借りる時に、印鑑登録証明書が必要な場合があります。自分の住む市で印鑑を登録する必要があります。

- 手続方法…印鑑登録を希望する本人が、登録する印鑑と在留カードなどの本人確認書類を持参し、直接窓口で申請してください。

※縁のない印鑑、破損している印鑑、ゴム印、氏名及び通称名以外の事項をあらわす印鑑などは登録できません。

■各種証明

証明書の種類	手数料
戸籍全部事項証明書（謄本）	1 通 450 円
戸籍個人事項証明書（抄本）	
住民票の写し	1 通 300 円
住民票記載事項証明書	
印鑑登録証明書	1 枚 300 円
印鑑登録	1 件 200 円

Tiền thuế (Zeikin)

Phúc lợi , Giáo dục , Xây dựng , và cho đời sống mọi người , xin đóng nộp tiền thuế đúng ngày tháng đã quy định

■ Các phòng chính yếu

Tên phòng	Số điện thoại	Nhiệm vụ thi hành
Phòng thuế Thị dân	0270-27-2715 0270-27-2716 0270-27-2717	Thuế Ôtô loại bảng vàng [chủng loại không tính thuế từng tháng] Thuế Thị dân ・ Thuế Ken dân
Phòng thuế tài sản	0270-27-2719	Thuế tài sản cố định
Phòng thu thuế	0270-27-2722 0270-27-2723	Thâu thuế và các chi phí khác, Tài khoản chuyển khoản
Phòng bảo hiểm sức khỏe Quốc dân	0270-27-2736	Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Thuế thị dân

● Thuế Thị dân ・ Thuế Ken dân

Những người ở trong thành phố từ ngày 1 tháng 1 , Sẽ được đánh thuế trên lợi tức thu được từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

Và để tính mức thuế , cần phải nộp 「Bảo khai báo thuế Thị dân ・ Thuế Ken dân」 tuy nhiên , đây chỉ dành cho ngừng người tự khai báo thu nhập và những người khai báo thu nhập từ tiền lương . còn những người làm công nhân thì được Công ty 「trực tiếp khai báo」 với thành phố nên không cần nộp các giấy này

● Thuế tài sản cố định

Đối tượng mà vào ngày 1 tháng 1 hiện tại có sở hữu xe Ôtô hay xe máy

● Xe Kei (loại bảng vàng) [chủng loại không tính thuế từng tháng]

Từ thời điểm ngày 1 tháng 4, những người sở hữu xe Kei và xe máy phải đóng thuế theo quy định

● Thuế bảo hiểm sức khỏe (Kokumin kenko hokenzei)

Nếu trong hộ có người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân thì phí (thuế) bảo hiểm quốc dân sẽ do chủ hộ thanh toán.

(Cho dù chủ hộ tham gia bảo hiểm sức khỏe xã hội thì cũng vẫn là chủ hộ thanh toán.)

Tiền phí bảo hiểm sức khỏe quốc dân được tính theo thu nhập năm trước đó của người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân và số người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân trong gia đình, thời gian tham gia bảo hiểm ,v.v...



税金(ぜいきん)

福祉、教育、土木事業など、みなさんの生活やまちづくりのために、決められた日までに税金を納めてください。

■主な担当課

課名	電話番号	取扱業務
市民税課	0270-27-2715・27-2716・27-2717	軽自動車税[種別割]、市民税・県民税
資産税課	0270-27-2719	固定資産税
収納課	0270-27-2722・27-2723	税などの収納、口座振替
国民健康保険課	0270-27-2736	国民健康保険税

市の税金について

●市民税・県民税

1月1日の時点で市内に住所がある人に、前年の1月1日から12月31日までの1年間の所得に応じて課税されます。

税額を計算するため、「市民税・県民税申告書」の提出が必要です。

ただし、所得税の確定申告をした人や給与所得のみの人で、勤務先から市役所に、「給与支払報告書」が提出されている人は、原則として必要ありません。

●固定資産税

1月1日の時点で、市内に土地・家屋などを所有している人に課税されます。

●軽自動車税[種別割]

4月1日の時点でバイクや軽自動車などを所有している人に課税されます。

●国民健康保険税

世帯（家族）に国民健康保険に入っている人がいるときは、世帯主が国民健康保険税を支払います。

（世帯主が会社の健康保険に入っている場合でも、世帯主が支払います。）

国民健康保険税の金額は、国民健康保険に入っている人の、前の年の1年間の所得と、国民健康保険に入っている家族の人数や、入っている期間などで計算します。

■ Các giấy chứng nhận chủ yếu cho thuế Thị dân.

Các loại giấy chứng minh	Chủ yếu dùng cho việc	Nội dung	Lệ phí
Chứng minh lợi tức	Xác nhận người phụ thuộc, đăng ký lương hưu.	Mức lợi tức của năm trước	300 yên
Giấy chứng nhận thuế	Khi làm thủ tục xin phụ cấp nhi đồng, thủ tục xin trợ cấp nuôi con, xin Visa, thủ tục xin gởi nhà trẻ hoặc thủ tục xin nhà chung cư công cộng.	Thu nhập của 1 năm trước và tương ứng với mức thuế thị dân trong năm	
Chứng minh miễn thuế	Xác nhận người phụ thuộc	Giấy chứng nhận được miễn thuế Thị dân	
Chứng minh nộp thuế	Khi xin Visa, khi xin chứng minh tại các ngân hàng	Mức thuế đã đóng trong năm	
Chứng minh Nhà, đất	Đăng ký, khi làm thủ tục tại Ngân hàng v.v...	Chứng minh tài sản cố định	(※lưu ý)

(※lưu ý) Tiền phí các giấy chứng minh sẽ khác nhau tùy theo các tiết mục

về việc đóng thuế

● Địa điểm thanh toán

Các ngân hàng, các tổ chức tài chính nhận giao dịch, cửa hàng tiện lợi, văn phòng thành phố, các chi nhánh, trung tâm hành chính.

※Có thể trả qua hệ thống Pay easy, trả bằng thẻ tín dụng hoặc qua Appli của máy Smart phone.

● Nếu không nộp đúng thời hạn, sẽ có văn thư, điện thoại, hoặc đến tận nhà để yêu cầu nộp thuế. Và cứ để trễ hạn, sẽ bị tính thêm phần tiền lãi bù cho quá hạn khi quá thời hạn rồi, mà vẫn không thể trả được thuế, thì bạn có thể đến thành phố để được tư vấn.

● Tư vấn việc đóng thuế qua điện thoại

Việc xin tư vấn thì gọi qua điện thoại hoặc trực tiếp đến tòa hành chánh cũng được tư vấn nội dung như nhau, vì vậy nếu muốn xin tư vấn qua điện thoại thì gọi đến phòng thu thuế bảo hiểm và nói là 「xin được tư vấn việc đóng bảo hiểm」.

● Tư vấn đóng thuế vào ngày nghỉ

Ngày thường ai không đến được, xin đến để được tư vấn về việc nộp thuế

- Chủ nhật đầu tiên • thứ 4 của hàng tháng / 9 : 00 ~ 17 : 00
- Tầng 1 của số 6 phòng thu nộp thuế đặc biệt
- Mỗi tháng vào chủ Nhật thứ 4 Có thông dịch tiếng Tây ban Nha và Bồ đào Nha (Từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều)

TOPICS Việc trả qua các ngân hàng thu nhận thì rất tiện lợi

Thuế Thị dân, và thuế bảo hiểm sức khỏe hay các loại thuế khác, có thể làm thủ tục trả qua tài khoản ngân hàng. Rất tiện lợi nếu trả qua tài khoản các Ngân hàng.

Vì không phải đi trả mỗi lần và lại không bị để quên.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Thu tiền.

■市税などに関する主な証明

証明の種類	主な使用目的	内容	手数料
所得証明	扶養認定、年金申請	前年 1 年間の所得額	300 円
課税証明	児童手当申請、児童扶養手当申請	前年 1 年間の所得額と	
	ビザ、保育園など入園手続き、公営住宅申込	該当年度の市県民税額	
非課税証明	扶養認定	該当年度の市県民税が非課税である証明	
納税証明	ビザ、金融関係申請	該当する年度及び税目の納税額	(※注)
土地・家屋などの証明	登記、金融関係申請など	固定資産などの証明	

(※注) 手数料は証明事項により異なります。

納税について

●納付場所

銀行などの取扱金融機関、コンビニエンスストア、市役所、各支所市民サービス課、行政サービスセンター
※ペイジーやクレジットカード、スマートフォンアプリ決済でも納付できます。

●納期限までに納めない場合、文書・電話・自宅訪問などにて早期納付のお願いをしています。

また、納期限を過ぎると延滞金が加算される場合があります。

納期限を過ぎた税金を一括で納められない場合は、市役所で納税相談を受けることができます。

●電話での納税相談

電話でも市役所の窓口と同じように相談することができます。

収納課に電話して「税金の相談がしたい」と伝えてください。

●休日納税相談

税の納付や納税相談ができます。

・毎月第 1・4 日曜日 9:00~17:00

・市役所本館 1 階 6 番窓口

・毎月第 4 日曜日(9:00~15:00)はポルトガル語、スペイン語の通訳がいます。

トピック □座振替が便利です。

市税、国民健康保険税などは、取扱金融機関にある口座から自動振替の方法で納めることができます。口座振替を利用すると、取扱金融機関などに出掛ける必要もなく、納め忘れも防ぐことができます。

詳しくは、収納課にお問い合わせください。

Bảo hiểm sức khỏe(Kokumin Kenko Hoken)

Phòng Kokumin Kenko Hoken của Tòa hành chính TEL 0270-27-2735 • 27-2736 • 27-2737
Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Những người tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân và sử dụng thẻ My Number làm thẻ bảo hiểm sẽ nhận được thông báo thông tin tư cách tham gia, còn những người khác sẽ nhận giấy xác nhận tư cách tham gia. Khi đi khám vì bệnh hoặc tai nạn, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm My Number hoặc giấy xác nhận tư cách. Trong trường hợp này, không thể sử dụng thẻ của người khác.

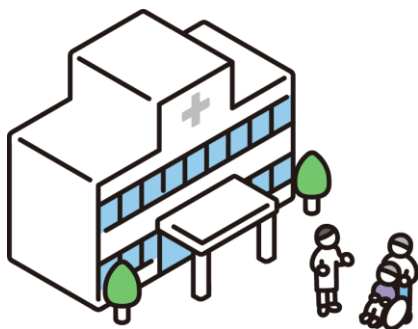
※Nếu thẻ bảo hiểm My Number đã đăng ký không quét được tại bệnh viện hoặc nhà thuốc, bạn có thể sử dụng dịch vụ y tế bằng cách xuất trình thông báo thông tin tư cách tham gia.

■ Phải khai báo vào những lúc sau đây ※Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

Lúc làm thủ tục vào bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Khi chuyển đến (nhập cảnh) thành phố Isesaki
	Khi ra khỏi chế độ bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc hoặc khi trở thành người phụ thuộc
	Khi sinh con cái
	Khi không còn được nhận chế độ bảo hộ cuộc sống
	Là người ngoại quốc nhập hộ khẩu vào thành phố (người có tư cách lưu trú trên 3 tháng)
Khi muốn cắt bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Khi rời khỏi (xuất cảnh) thành phố Isesaki
	Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe hoặc khi trở thành người phụ thuộc
	Khi đã từ trần
	Khi tiếp nhận chế độ bảo hộ cuộc sống
Các lý do khác	Khi thay đổi Chủ hộ . Thay địa chỉ . Hay khi đổi tên .
	Khi làm mất hoặc làm hỏng giấy xác nhận tư cách tham gia.

※Khi làm thủ tục thì cần phải có giấy tờ có ghi mã số cá nhân và giấy tờ chứng minh nhân thân có ảnh (Thẻ my number, thẻ ngoại kiều, bằng lái xe, v.v...)

Khi người có tư cách cư trú là 'Hoạt động đặc biệt' tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân, vui lòng mang theo giấy chỉ định dán trên hộ chiếu.



国民健康保険(こくみんけんこうほけん)

担当窓口：国民健康保険課（TEL 0270-27-2735・27-2736・27-2737）、各支所市民サービス課

国民健康保険に加入している人で、マイナンバーカードを保険証として利用している人には、資格情報のお知らせを、それ以外の人には資格確認書を交付します。病気やけがで医者にかかるときは、マイナ保険証または資格確認書を持って行ってください。その際は、本人以外のものは使えません。

※登録したマイナ保険証が病院や薬局で読み込めなかった場合は、資格情報のお知らせを提示することで医療を受けられます。

■主な届出 ※14 日以内に届出をしてください。

国民健康保険に加入するとき	伊勢崎市に転入（入国）したとき
	勤務先の健康保険をやめたとき、または扶養家族でなくなったとき
	子どもが生まれたとき
	生活保護を受けなくなったとき
	外国人住民で住民票が作成されたとき(在留期間が3カ月を超えるなど)
国民健康保険をやめるとき	伊勢崎市から転出（出国）するとき
	勤務先の健康保険に加入したとき、または扶養家族になったとき
	死亡したとき
	生活保護を受けるとき
その他	世帯主、住所、氏名などを変更したとき
	資格確認書を紛失、破損したとき

※届出には、顔写真付きの本人確認書類（マイナンバーカード、在留カード、運転免許証等）とマイナンバーが分かる書類が必要です。

在留資格が「特別活動」の人が加入するときは、パスポートに貼ってある指定書もお持ちください。

Phí Y tế phúc lợi

Quầy phụ trách : Phòng Y tế Lương hưu TEL 0270-27-2740

Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Khi đi khám và chữa bệnh, phần tiền y tế bản thân phải trả, sẽ được Thành phố chi trả bằng tiền phúc lợi y tế.

《**Phí y tế hỗ trợ cho trẻ em**》 Dưới 18 tuổi

《**Diện khuyết tật thân xác và tâm thần**》 người khuyết tật có số tay cấp 1 hoặc cấp 2 / Người được chứng nhận có số tay loại A / người được công nhận loại B1 và B2 thì dù dưới 18 tuổi, diện trợ cấp nuôi dưỡng đặc biệt cấp 1 hoặc cấp 2, người được hưu bổng khuyết tật cấp 1 và người mang khuyết tật tương đương với khuyết tật cấp 1 mà không được nhận tiền hưu diện khuyết tật.

《Hỗ trợ tiền y tế cho diện chỉ có Cha hoặc chỉ có Mẹ, diện chỉ có Mẹ đang dưới 18 tuổi • diện chỉ có Cha đang dưới 18 tuổi》
diện không không Cha lẫn không Mẹ khi đang dưới 18 tuổi.

《**Các diện được hỗ trợ tiền y tế khác**》 Người đang chữa trị tâm thần.
Để sử dụng hệ thống y tế phúc lợi, bạn cần có Thẻ Người nhận hỗ trợ y tế tự lập (màu xanh lá cây). Vui lòng liên hệ với quầy tiếp nhận để tìm hiểu về các giấy tờ cần thiết và thực hiện thủ tục đăng ký cấp thẻ.

Hệ thống Bảo hiểm Y tế cho Người Cao Tuổi

Quầy phụ trách : Phòng Y tế Lương hưu (TEL 0270-27-2739),

Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Đây là hệ thống dành cho những người từ 75 tuổi trở lên (hoặc từ 65 tuổi trở lên đối với những người có khuyết tật nhất định).

Những người mới tham gia hệ thống Bảo hiểm Y tế cho Người Cao Tuổi sẽ nhận được Giấy xác nhận tư cách tham gia. Khi đi khám bệnh hoặc chữa trị vì bệnh tật hoặc tai nạn, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm My Number (※1) hoặc Giấy xác nhận tư cách tham gia.

※1 Thẻ bảo hiểm My Number là thẻ My Number đã được đăng ký sử dụng làm thẻ bảo hiểm y tế.

Đối tượng tham gia	Ngày bắt đầu tham gia
Người từ 75 tuổi trở lên	Bắt đầu từ ngày sinh nhật 75 tuổi. ※Tham gia tự động không cần đăng ký
Người từ 65 đến 74 tuổi có khuyết tật nhất định(※2) và đã được công nhận bởi Liên minh khu vực	Bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận của Liên minh khu vực sau khi làm thủ tục tại cửa sổ tiếp nhận.

※2 Khuyết tật nhất định là:

- Số tay Người tàn tật từ hạng 1 đến hạng 3, một phần hạng 4
- Số tay Người tàn tật tâm thần từ hạng 1 đến hạng 2
- Số tay Chăm sóc người khuyết tật hạng A1 đến A2
- Lương hưu cơ bản cho người khuyết tật từ hạng 1 đến hạng 2 và các trường hợp tương tự.

●Phí bảo hiểm y tế cho người cao tuổi

Mỗi người tham gia bảo hiểm cần phải đóng phí bảo hiểm để chi trả cho các chi phí y tế khi bị bệnh hoặc tai nạn. Tỷ lệ phí bảo hiểm (phí bình quân và tỷ lệ thu nhập) sẽ được xem xét lại 2 năm một lần và sẽ đồng nhất trong toàn tỉnh Gunma.

福祉医療費(ふくしいりょうひ)

担当窓口：年金医療課（TEL 0270-27-2740）、各支所市民サービス課

医療機関等を受診したときの医療費の自己負担分を市が福祉医療費として負担します。

《子ども医療費の助成》 18歳まで

《重度心身障害者医療費の助成》

身体障害者手帳1級または2級の人、療育手帳A判定の人、B1判定の人、B2判定で18歳未満の子ども、特別児童扶養手当1級または2級の人、障害年金1級の人、障害年金1級程度の障害で障害年金を受給できない人

《ひとり親等医療費の助成》

18歳未満の子どもを扶養している母子家庭・父子家庭、18歳未満の父母のない児童

《その他医療費の助成》精神疾患での受診者

福祉医療制度の利用には、自立支援医療受給者証（みどり色）が必要となりますので、担当窓口まで必要書類をお問い合わせの上、交付申請の手続きをしてください。

後期高齢者医療制度(こうきこうれいしゃいりょうせいど)

担当窓口：年金医療課（TEL 0270-27-2739）、各支所市民サービス課

75歳以上(一定の障がいがある人は65歳以上)の人を対象とする制度です。

新たに後期高齢者医療制度に加入した人には、資格確認書を交付します。病気やけがで病院にかかるときは、マイナ保険証(※1)もしくは資格確認書を持って行ってください。

※1 マイナ保険証とは、事前に健康保険証の利用登録をしたマイナンバーカードのことです。

対象となる人	対象となる日
75歳以上の人	75歳の誕生日当日から ※加入手続きは不要です
65歳から74歳までの一定の障がい(※2)がある人で、広域連合の認定を受けた人	窓口で申請し、広域連合の認定を受けた日から

※2 一定の障がいとは

- ・身体障害者手帳 1～3級と4級の一部
- ・精神障害者保健福祉手帳 1～2級
- ・療育手帳 A1～A2
- ・障害基礎年金 1～2級 など

●後期高齢者医療保険料

被保険者のみなさまが病気やケガをした時の医療費などの支払いに充てるため、一人ひとりが保険料を納めなければいけません。保険料率(均等割額と所得割率)は、2年ごとに見直され、群馬県内で均一となります。

Bảo hiểm trợ giúp người già, người bệnh(Kaigo Hoken)

Phòng Kaigo Hoken của Tòa hành chính TEL 0270-27-2742 • 27-2743 • 27-2744

Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Mọi người trên 40 tuổi đóng bảo hiểm này , để giúp đỡ chăm sóc những người cần được săn sóc khi cần , mọi người cùng chung giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống .

■Người gia nhập bảo hiểm này

Puntos	Diện vào bảo hiểm số 1	Diện vào bảo hiểm số 2
Phân loại tuổi	Người trên 65 tuổi	Người đang gia nhập bảo hiểm y tế từ 40 đến 65 tuổi.
Người có thể nhận được bảo hiểm chăm sóc	Khi được công nhận là người cần được giúp đỡ cho cuộc sống thường ngày.	Khi được công nhận là người cần được giúp đỡ cho cuộc sống thường ngày, vì lớn tuổi và mắc phải 1 trong 16 các chứng bệnh được công nhận
Cấp số bảo hiểm	Được gửi bằng bưu điện đến trong tháng sẽ đón ngày sinh nhật 65tuổi	Sẽ được gửi đến nhà cho những người đã được công nhận cần được trợ tá giúp đỡ.
Mức tiền bảo hiểm	Mức thu nhập của bản thân và của người trong nhà. Sẽ được gửi giấy đến bằng bưu điện , khi đã nhận giấy hãy đến Compini , ngân hàng hay đến Tòa hành chính để đóng tiền thuế này . Ai nhận hưu mỗi năm trên 180,000 yen, thì sẽ bị trừ trực tiếp qua tiền hưu này.	Tùy theo loại bảo hiểm y tế để qui định cho từng cá nhân. Đã bao gồm tiền bảo hiểm y tế
Cắt hộ khẩu • nhập hộ khẩu	Người nhập hộ khẩu vào Thành phố sẽ được cấp thẻ bảo hiểm. Người cắt hộ khẩu ra khỏi Thành phố sẽ bị thu hồi thẻ bảo hiểm. ※Người cần được chăm sóc y tế , Khi trình sổ chứng minh nơi địa chỉ cũ , sẽ được tiếp tục hưởng được chế độ bảo hiểm này.	Người cần được chăm sóc y tế, Khi trình sổ chứng minh nơi địa chỉ cũ, sẽ được tiếp tục hưởng được chế độ bảo hiểm này.

●Bảo hiểm chăm sóc

- Mức tiền bảo hiểm cho người trên 65 tuổi
Tùy theo mức thu nhập mà được định theo các mức . Từ (Khi đã được công nhận từ Ngày 1 Tháng 4) Tùy theo mức thu nhập bản thân đương sự và người trong gia đình , sẽ được định mức tiền bảo hiểm
- Mức tiền bảo hiểm cho người từ 40 tuổi đến 64 tuổi
Tùy theo loại bảo hiểm y tế đang gia nhập , sẽ được tính theo tiêu chuẩn qui định để định mức tiền bảo hiểm phải đóng , và được đóng chung cùng với tiền bảo hiểm y tế .
Xin hỏi để biết thêm tại nơi mình gia nhập bảo hiểm để biết thêm chi tiết .



●Các nội dung được hưởng qua bảo hiểm này .

Chăm sóc tại nhà (đến nhà để giúp đỡ , giúp đỡ tại các trạm y tế tập bảo vệ sức khỏe) ,
Tại các cơ sở như (Viện dưỡng lão) , hoặc các cơ sở chăm sóc y tế tại các địa phương .
Xin hỏi thêm tại phòng Kaigo Hoken để biết thêm chi tiết .

介護保険(かいごほけん)

担当窓口：介護保険課（TEL 0270-27-2742・27-2743・27-2744）、各支所市民サービス課

40 歳以上の人全員で保険料を負担することで、介護が必要な人やその家族を社会全体で支え合います。

■介護保険の被保険者

項目	第 1 号被保険者	第 2 号被保険者
年齢区分	65 歳以上の人	40 歳以上 65 歳未満で医療保険に加入している人
介護保険のサービスを利用できる人	日常生活に介護や支援が必要な状態と認められた人	加齢が原因とされる 16 種類の病気により、介護や支援が必要な状態と認められた人
被保険者証の交付	65 歳の誕生日の前日の属する月に郵送します。	要介護認定された人に郵送します。
保険料	本人および家族の所得状況により段階ごとに分けられます。納付書が郵送されますので、届きましたら金融機関、コンビニエンスストア、市役所などで納めてください。年金を年間で 18 万円以上受給している人は、年金から差引となります。	各医療保険者が個別に定めます。保険料は医療保険の金額に含まれています。
転出・転入	転入される人には被保険者証を発行します。転出される人は被保険者証を返納してください。※要介護認定されている人は、旧住所地で発行される証明書をお持ちになると介護度を引き継ぐことができます。	要介護認定されている人は、旧住所地で発行される証明書をお持ちになると介護度を引き継ぐことができます。

●介護保険料

・65 歳以上の人

保険料は所得段階ごとに分かれていて、基準日(4 月 1 日または資格取得日)現在の本人と世帯の課税状況や所得に応じて、その人の段階が決まります。

・40 歳～64 歳の人

加入している医療保険ごとの算定方法に基づいて保険料が決まり、医療分と一緒に支払いになります。詳しくは、各医療保険者にお問い合わせください。

●利用できる介護サービス

居宅サービス(訪問介護、通所リハビリテーション)、施設サービス(特別養護老人ホーム)、地域密着型サービスなどがあります。詳しくは、介護保険課にお問い合わせください。

Phúc lợi cho người Khuyết tật

Phòng Shogai Fukushi của Thành phố TEL 0270-27-2753

Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Người khuyết tật hay người bị bệnh tâm thần . Hoặc người bị bệnh nan y.

■ Cấp các sổ tay chứng nhận

Loại sổ	Nội dung
Sổ tay Người tàn tật	Cấp cho những người có khuyết tật về thể chất.
Sổ tay Chăm sóc người khuyết tật	Cấp cho những người bị đánh giá có khuyết tật trí tuệ.
Sổ tay Người tàn tật tâm thần	Cấp cho những người có khuyết tật về tinh thần.

● Dịch vụ phúc lợi cho người khuyết tật

Có nhiều loại dịch vụ khác nhau để hỗ trợ người khuyết tật trong đời sống hàng ngày và khi gia nhập xã hội như hỗ trợ chăm sóc và tập luyện. Ngoài ra cũng có nhiều hỗ trợ khác nhau dành cho trẻ khuyết tật như hỗ trợ phát triển, v.v... Chi tiết vui lòng liên hệ tới phòng phúc lợi cho người khuyết tật.

Tiền hưu quốc dân

Phòng Nenkin Iryo Thành phố TEL 0270-27-2741

Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Người đang sống và có hộ khẩu trong nước Nhật , từ 20 tuổi đến 60 tuổi , theo nguyên tắc phải gia nhập bảo hiểm về hưu Kokumin Nenkin

Diện đóng bảo hiểm số 1 thì, sẽ được gửi đến giấy thông báo mã số sổ hưu cơ bản và phiếu đóng tiền bảo hiểm.

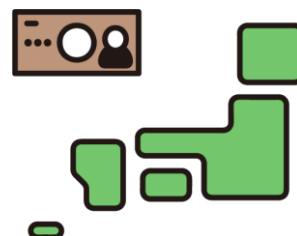
■ Các diện phải tham gia bảo hiểm

Diện Bảo hiểm số 1	Tư doanh • Học sinh (Diện không vào hưu bổng xã hội hay bảo hiểm Kyosai Kumiai)
Diện Bảo hiểm số 2	Công nhân . Công chức
Diện Bảo hiểm số 3	Công nhân hay Công chức, mà đang nuôi hay chu cấp cho vợ hay chồng thuộc diện(Bảo hiểm số 2)

● Tiền bảo hiểm Kokumin Nenkin

Người gia nhập bảo hiểm quốc dân số 1 , từ 20 tuổi đến 60 , trong thời gian này buộc phải đóng tiền bảo hiểm . Mức độ tiền bảo hiểm được chiếu theo mức thu nhập của người tham gia bảo hiểm này .

- 1 tháng 17,510 yên (Phần của năm 2025)



障害者福祉(しょうがいしゃふくし)

担当窓口：障害福祉課（TEL 0270-27-2753）、各支所市民サービス課

身体障害のある人や知的障害のある人、精神障害のある人、難病の人にさまざまな支援をしています。

■各種手帳の交付

種類	内容
身体障害者手帳	身体に障害のある人に交付されます。
療育手帳	知的障害と判定された人に交付されます。
精神障害者保健福祉手帳	精神に障害のある人に交付されます。

●障害福祉サービス

障害のある人の日常生活や社会生活を支援するために介護や訓練の支援など、各種サービスを利用することができます。また、障害児へのサービスには発達支援などがあります。詳しくは、障害福祉課にお問い合わせください。

国民年金(こくみんねんきん)

担当窓口：年金医療課（TEL 0270-27-2741）、各支所市民サービス課

日本国内に住所が在る 20 歳以上 60 歳未満の人は、国民年金に加入しなければなりません。第 1 号被保険者には、基礎年金番号通知書と保険料納付書が郵送されます。

■加入者の種類

第 1 号被保険者	自営業・学生など(厚生年金や共済組合に加入していない人)
第 2 号被保険者	会社員、公務員など
第 3 号被保険者	会社員や公務員(第 2 号被保険者)に扶養されている配偶者

●国民年金保険料

20 歳から 60 歳までに第 1 号被保険者として国民年金に加入している期間は、国民年金保険料を納めなければなりません。

納める保険料は、加入者の所得に関わらず定額となります。

- ・定額保険料…月額 1 万 7,510 円(令和 7 年度)

■ Cách đóng tiền bảo hiểm

Người tham gia bảo hiểm số 1	Bộ Bảo hiểm sẽ gửi giấy đóng bảo hiểm bằng tiền mặt đến , đóng qua(Ngân hàng hay qua tiệm Cobini) Cũng có trường hợp trả tự động qua tài khoản Ngân hàng hay qua thẻ tín dụng
Người tham gia bảo hiểm số 2	Với bảo người tham gia bảo hiểm xã hội , hay bảo hiểm Kyosai , mỗi tháng sẽ được trừ qua tiền lương
Người tham gia bảo hiểm số 3	Diện này , Toàn xã hội sẽ chịu tiền bảo hiểm cho mình , bản thân mình không phải trả tiền hưu này .

■ Khi đăng ký

Mỗi khi khai báo , mang theo thẻ mã số cá nhân (phải có 1 giấy chứng minh có ảnh , trường hợp không có ảnh , phải có 2 loại giấy chứng minh bản thân).

Nếu nhờ người khác đến làm thủ tục, buộc phải có giấy ủy nhiệm.

	Trường hợp	Những thứ cần thiết khác	Nơi nộp đơn
Kokumin Nenkin	• Khi đã được 20 tuổi • Khi đã đăng ký hộ khẩu tại Nhật	※Ngoại trừ người tham gia bảo hiểm Kosei Nenkin, và bảo hiểm ở Kyosai Kumiai.	• Nenkin Iryo Ka • Simin-service Ka (Phòng phục vụ nhân dân tại các chi nhánh địa phương)
	Khi đã nghỉ hăng (Loại 2 thành loại 1)	Giấy chứng nhận đã cắt bảo hiểm Xã hội, Sổ hưu (Chú ý1) v.v...	• Nenkin Iryo Ka • Simin-service Ka (Phòng phục vụ nhân dân tại các chi nhánh địa phương)
Kosei Nenkin	Đã nghỉ hăng đang làm , và đã làm công ty khác (Loại 1→loại 2 , Loại 2 →loại 2)	Hãy khác nhận ở Công ty	Nơi làm việc
Diện được tạm miễn trừ hay được miễn đóng tiền bảo hiểm (Chú ý 2)	Tình hình kinh tế sa sút , không thể đóng được bảo hiểm	Sổ hưu (Chú ý1) , thẻ bảo hiểm thất nghiệp , hãy trình thẻ sinh viên	• Nenkin Iryo Ka • Simin-service Ka (Phòng phục vụ nhân dân tại các chi nhánh địa phương)
Các diện khác	Khi làm mất sổ hưu, và muốn làm đơn xin cấp lại sổ hưu (Chú ý1) (chỉ nhận đơn)	※Diện bảo hiểm loại 1	• Nenkin Iryo Ka • Simin-service Ka (Phòng phục vụ nhân dân tại các chi nhánh địa phương)
		※Diện bảo hiểm loại 2	Tại Công ty đang làm
		※Diện bảo hiểm loại 3	Tại Công ty của Vợ hay của Chồng

(Chú ý 1) Từ ngày 1 tháng 4 năm 2022 sẽ hủy bỏ việc phát hành sổ lương hưu và thay bằng giấy thông báo số hiệu lương hưu cơ bản.

(Chú ý 2) Đối với người thuộc đối tượng bảo hiểm số 1 thì phí bảo hiểm lương hưu quốc dân trong thời kỳ trước và sau sinh sẽ được miễn toàn bộ. Bởi vì cần phải đăng ký nên chi tiết vui lòng liên hệ phòng y tế lương hưu.

■納付の方法など

第 1 号被保険者	日本年金機構から送付された納付書による現金納付(金融機関またはコンビニエンスストアで納付)、口座振替納付、クレジットカード納付などがあります。
第 2 号被保険者	厚生年金保険料、共済年金保険料として毎月の給料から天引きされます。
第 3 号被保険者	年金制度全体で負担しているため、個人で納める必要はありません。

■主な届出先など

届出には、マイナンバーカードまたは通知カードと本人確認書類(顔写真付き身分証明書は 1 点、顔写真なしの身分証明書は 2 点)の提示が必要となります。本人以外が届出する場合は、委任状などが必要です。

	このようなとき	その他必要なもの	申請窓口
国民年金の加入	・20 歳になったとき ・日本に住民登録したとき	※厚生年金、共済組合加入者は除く	・年金医療課 ・各支所市民サービス課
	会社などを退職したとき(2 号→1 号)	社会保険離脱証明書、年金手帳(注 1) など	
厚生年金の加入	会社などに就職、別の会社などに転職したとき(1 号→2 号、2 号→2 号)	就職先の事業主に確認	勤務先
保険料の免除猶予(注 2)	収入が少なく国民年金保険料を納めるのが困難なとき	年金手帳(注 1)、雇用保険被保険者離職票(失業の場合)、学生証など	・年金医療課 ・各支所市民サービス課
その他	年金手帳(注 1)をなくしたため再交付を申請したいとき(申請受付のみ)	※第 1 号被保険者	・年金医療課 ・各支所市民サービス課
		※第 2 号被保険者	本人の勤務先
		※第 3 号被保険者	配偶者の勤務先

(注 1) 令和 4 年 4 月 1 日より年金手帳の発行は廃止になり、基礎年金番号通知書になりました。

(注 2) 1 号被保険者が出産した場合、産前産後期間に係る国民年金保険料が全額免除されます。申請が必要になりますので詳しくは年金医療課にお問い合わせください。

Xúc tiến bảo vệ sức khỏe (Kenko zukuri) ①

Sức khỏe cho con em

Quầy phụ trách : Trung tâm Y tế Isesaki (*Kuwamaru plaza*) TEL 0270-27-6290

● Sổ tay sức khỏe mẹ con (Boshi kenko techo)

Khi đã có thai, xin khai báo để nhận ngay sổ tay sức khỏe mẹ con, và để được cấp phiếu giảm phí khi khám , chẩn thai

- Nơi cấp : Trung tâm Y tế Isesaki



● Dự án quà tặng hỗ trợ mang thai và sinh con

Sau khi khai báo về việc mang thai và sau khi khai sinh, bạn sẽ được phỏng vấn và làm bảng khảo sát. Những người nộp đơn sẽ nhận được quà tặng hỗ trợ mang thai và sinh con.

● Khám sức khỏe cho trẻ nhỏ (Nyuyoji kenshin)

Khi trẻ được 1 tháng tuổi, sử dụng phiếu khám sức khỏe được cấp cùng với sổ sức khỏe mẹ và bé để khám tại cơ sở y tế nơi sinh con.

Khi trẻ được 4 tháng tuổi, 10 tháng tuổi, 1 tuổi 6 tháng, 2 tuổi 3 tháng, 3 tuổi, thông báo cá nhân sẽ được gửi tới nhà trước khi khám và mẹ hãy cho con tham gia khám sức khỏe (tự vấn).

※ Khi khám sức khỏe cho trẻ 4 tháng tuổi, 1 tuổi 6 tháng và 3 tuổi, có thể sẽ có phiên dịch bằng tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, v.v...

● Việc tư vấn...Sẽ được giúp đỡ để yên tâm nuôi dưỡng con cái .

- Các hình thức...Đến phòng tư vấn ▪ Đến tận nhà ▪ Tư vấn về sữa mẹ

● Chủng ngừa (Yobosetushu) : Xin chủng ngừa tại các trung tâm y tế

Tùy theo loại chủng ngừa , khác nhau theo tuổi tác , số lần .và khoảng cách thời gian

- Giấy tờ cần thiết: Sổ tay sức khỏe mẹ con tem dán ghi tên tuổi]
- Các loại chủng ngừa : Tiêm phòng viêm gan B , Rotavirus ,
Viêm phổi thiếu nhi , Tiêm phòng 5 trong 1 , BCG ,
MR , Thủy đậu , Viêm não Nhật bản , DT , HPV

健康づくり(けんこうづくり)①

子どもの健康(こどものけんこう)

担当窓口：伊勢崎市保健センター【くわまるプラザ】TEL 0270-27-6290

●母子健康手帳

妊娠したら早めに母子健康手帳の交付を受けてください。あわせて、健診費用の一部助成のための受診票を交付します。

- ・ 交付場所…伊勢崎市保健センター

●妊娠・出産応援ギフト事業

妊娠届出後と出生届出後に面談やアンケートを実施し、申請書を提出していただいた方に、妊娠応援ギフト・出産応援ギフトを支給します。

●乳幼児健診

こどもが1か月児のとき、母子健康手帳と一緒に交付された受診票を使用し、出産した医療機関で健康診査を受けてください。

こどもが4か月児、10か月児、1歳6か月児、2歳3か月児、3歳児のとき、事前に個人通知を送りますので、健康診査（相談）を受けてください。

※4か月児、1歳6か月児、3歳児健康診査のときには、ポルトガル語、スペイン語等の通訳がつくことがあります。

●健康相談など

安心して子育てができるよう応援します。

- ・ 種類…窓口健康相談、家庭訪問、離乳食講習会など

●予防接種

医療機関で受けてください。予防接種の種類により、接種する年齢、回数、間隔が異なります。

- ・ 必要書類…母子健康手帳、「名前シール」を貼った予診票
- ・ 種類…B型肝炎、ロタウイルス、小児用肺炎球菌、
5種混合、BCG、MR、
水痘、日本脳炎、DT、HPV

Xúc tiến Bảo vệ sức khỏe (Kenko zukuri) ②

Cho người lớn

Quầy phụ trách : Trung tâm Y tế Isesaki (*Kuwamaru plaza*) TEL 0270-27-6290

Thành phố Isesaki , Với mục đích bảo vệ sức khỏe người dân , có nhiều loại chủng ngừa , và nhiều phương cách bảo vệ sức khỏe , xin tích cực tham gia và lợi dụng các chế độ của thành phố. Tùy theo loại kiểm tra sức khỏe , tùy theo tuổi tác , chi phí có thể thay đổi

- Kiểm tra ung thư ... Bao tử , Ruột già , Tử cung , Vú • Tuyến giáp trạng , Phổi , Nhiếp hộ tuyến
- Kiểm tra cho phụ nữ , Bao tử , Ruột già , Tử cung , Tuyến giáp trạng vú , Phổi , kiểm tra phát hiện sớm ung thư tử cung
- Kiểm tra ... Xương cốt sống , Khám răng . Kiểm tra Virus viêm Gan , Lao .
- Khám Kosumosu ... Từ 18 đến 39 tuổi , Phí tự trả thêm 1,000 yen . Đo chiều cao , Thử máu • Kiểm tra nước tiểu . Xin lợi dụng chế độ kiểm tra sức khỏe tổng quát để duy trì sức khỏe
- Kiểm tra sức khỏe đặc biệt ... Khi tuổi về già , từ 40 tuổi trở lên diện có tham gia bảo hiểm quốc dân • diện gia nhập bảo hiểm chế độ y tế tuổi già sẽ được tham gia các buổi kiểm tra sức khỏe để phòng chống các chứng bệnh phát sinh từ tập sinh hoạt .
- Các nơi tư vấn sức khỏe ... Bác sĩ phòng bảo hiểm . chuyên tư vấn về dinh dưỡng , đo huyết áp , đo lượng đường trong máu , kiểm tra nước tiểu .
- Việc Chủng ngừa
Những loại vắc xin dưới đây thì cần phải tự trả phí.
 - Vuccin Influenza (diện trên 65 tuổi)
 - Vắc xin phòng virus Corona chủng mới (người trên 65 tuổi)
 - Vắc xin viêm phổi phế cầu khuẩn cho người cao tuổi (65 tuổi)



Khám bệnh • Ngày nghỉ hay ban đêm

- Xem thông tin về "Khám cấp cứu vào ngày nghỉ và ban đêm" trong tờ báo công cộng Isesaki.
- Sở cứu hỏa , liên lạc cấp cứu số TEL 0270-23-1299
 - ※ Sẽ hướng dẫn bạn về việc chữa trị khẩn cấp ban đêm
- Điện thoại ứng cứu cho trẻ em TEL #8000
 - ※ Ngày nghỉ hay ban đêm , sẽ được chữa trị hay tư vấn để ứng xử tại nhà .

健康づくり(けんこうづくり)②

大人の健康(おとなのけんこう)

担当窓口：伊勢崎市保健センター【くわまるプラザ】TEL 0270-27-6290

伊勢崎市では、市民の健康を守るためにさまざまな検診（健診）や予防接種、健康相談を行っています。検診、健診の種類により、対象年齢、自己負担額が異なります。

- がん検診…胃、大腸、乳・甲状腺、子宮頸部、肺、前立腺がん検診
- レディース検診…胃、大腸、乳・甲状腺、子宮頸がんのセット検診
- 検診…骨粗しょう症検診、歯周病検診、肝炎ウイルス検診、結核検診
- コスモス健診…18～39歳までの方は、自己負担1,000円で、身体計測、血液検査、尿検査などの健康チェックができます。
生活習慣病の予防にご利用ください。
- 特定健診・後期高齢者健診…40歳以上の国民健康保険・後期高齢者医療制度加入者を対象に生活習慣病予防を目的とした健診(加入する医療保険者が実施)
- 窓口健康相談…保健師・栄養士による相談、血圧測定等
※事前に連絡をしてください。
- 予防接種
以下のワクチンは、費用の自己負担があります。
 - ・インフルエンザワクチン(65歳以上)
 - ・新型コロナウイルスワクチン(65歳以上)
 - ・高齢者肺炎球菌ワクチン(65歳)

休日・夜間の診療(きゅうじつ・やかんのしんりょう)

- 広報いせさきの「休日・夜間の救急診療」の欄をご覧ください。
- 消防本部・救急テレホンサービス TEL 0270-23-1299
※休日夜間に診療している病院をご案内します。
- こども医療電話 TEL #8000
※休日夜間の病院のかかり方や家庭での対処法について相談に応じます。

Xúc tiến Bảo vệ sức khỏe (Kenko zukuri) ③

Việc tư vấn

Quầy phụ trách : Trung tâm Y tế Isesaki (*Kuwamaru plaza*) TEL 0270-27-6290

■ Kiến tạo sức khỏe

Các hội đoàn	Nội dung hoạt động
Khóa học huấn luyện về cải thiện chế độ ăn uống	Mở các lớp tư vấn bảo vệ sức khỏe và ẩm thực cho đời sống, mở các lớp tư vấn đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho các nhân viên các hội trong khu vực.
Lớp học đi bộ rèn luyện sức khỏe	Mục tiêu là thực hiện các bài tập đơn giản để cải thiện sức khỏe. Các lớp học sẽ được tổ chức hàng tháng vào Chủ nhật tại 6 địa điểm trong thành phố, ngoại trừ mùa hè.
Kenko Joho Station	Nhiều thông tin sức khỏe và công thức nấu ăn sử dụng nguyên liệu theo mùa sẽ được đặt tại các cơ sở y tế, cơ sở thương mại, v.v...
Lễ hội sức khỏe	Đây là sự kiện được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức về việc xây dựng sức khỏe.
Hoạt động của nhân viên xúc tiến cải thiện đời sống	Đây là đoàn thể hoạt động, mục đích bảo vệ duy trì sức khỏe. Để tạo tập quán sinh hoạt tốt thông qua việc nấu nướng thức ăn.
Hoạt động xúc tiến bảo vệ sức khỏe	Hoạt động của các tổ chức nhằm duy trì và cải thiện sức khỏe như cung cấp tài liệu nuôi dạy trẻ cho các gia đình có trẻ sơ sinh và phổ biến thông tin sức khỏe, v.v...

■ Ban tư vấn sức khỏe tấm lòng

Các hội	Nội dung hoạt động
Kokoro no Kenko Sodan (ban tư vấn sức khỏe tấm lòng)	• Tư vấn cho cá nhân. • các gia đình có nhiều lo lắng hoang mang trong lòng, Có Bác sỹ tâm thần tư vấn cho từng cá nhân. ※ Xin hẹn trước.
Tư vấn các việc khác	• Tư vấn sức khỏe • Tư vấn qua điện thoại • Đến tận gia đình thăm hỏi. v.v...



健康づくり(けんこうづくり)③

健康相談(けんこうそうだん)など

担当窓口：伊勢崎市保健センター【くわまるプラザ】TEL 0270-27-6290

■健康づくり

事業名	内容
食生活改善推進員養成講座	健康づくりや食生活の講習を受け、地域で活動する食生活改善推進員を養成
はつらつウオーキング教室	健康づくりのための簡単な運動を行うことを目的に、公園等の市内6会場とし、夏季を除き月1回、日曜日に運動教室を開催
健康情報ステーション	各種健康情報や旬の食材を利用した料理のレシピを医療機関や商業施設などに設置
健康まつり	健康づくりへの関心を高めるため開催するイベント
食生活改善推進員活動	食生活を良くする調理講習を通して、健康の保持増進を図る団体の活動
健康推進員活動	赤ちゃんの生まれた家庭に子育ての資料を届けたり、健康情報の伝達をするなど、健康の保持増進を図る団体の活動

■こころの健康

事業名	内容
こころの健康相談	・精神科医師による個別相談 ・こころの悩みや不調を抱える人やその家族の相談 ※予約制
その他の健康相談	・窓口健康相談 ・電話相談 ・家庭訪問 など



Việc trợ giúp nuôi dạy con em

■ Các hỗ trợ chủ yếu cho việc nuôi dạy em bé

Quầy phụ trách : Phòng Kosodate Shien Ka, Trung tâm Gia đình và Trẻ em, Phòng Kodomo Hoiku, Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh, Phòng Thư viện

Các cơ sở	Nội dung
Jido Kan • Jido Center	Mục đích, Tạo điều kiện cho các em vui chơi, phát đạt thể chất tinh thần trong một môi trường tốt.
Sinh hoạt sau giờ học	Cho các đối tượng phụ huynh vì phải làm công việc mà không chăm nom con em được sau giờ học. Mục đích để cho các em vui chơi học hành thêm sau giờ học mỗi ngày.
Trung tâm hỗ trợ các gia đình	Là tổ chức với mục đích hỗ trợ cho các gia đình có nguyện vọng xin giúp đỡ giáo dục con em mình thêm .Nơi liên hệ = Shi Family suppot Center. (Phòng bảo dục trẻ em Tel : 0270-23-6471)
Công việc giúp nuôi dạy	Là các cơ để tạo điều kiện giúp các em cũng như phụ huynh có nơi giao lưu trao đổi việc nuôi dạy em bé , hoặc để được tư vấn việc nuôi nấng em bé khi mới sinh ra .
Việc gửi em bé trong thời gian ngắn	Với các em không được gửi Nhà trẻ, có thể xin để được gửi trong khoảng thời hạn ngắn.
Bảo dục ngày nghỉ	Dành cho các em đang được gửi Nhà trẻ. Thì các ngày Thứ Bảy Chủ Nhật hay ngày lễ cũng xin gửi được vào các ngày này
Trung tâm Gia đình và Trẻ em	Việc giúp nuôi dạy con trẻ , sẽ được phát sổ tay hướng dẫn giúp đỡ nuôi nấng con trẻ. (Trong trung tâm y tế Tel 0270-27-6291)
Book start	Ngày tư vấn khi con được 10 tháng tuổi , tại hội trường Thành phố qui định , sẽ được tặng sách hình và sách đọc kể chuyện cho các bà mẹ.

■ Về khoản phụ cấp

Quầy phụ trách : Phòng Kosodate Shien Ka, Phòng Dịch vụ Công dân tại các chi nhánh

Các loại	Nội dung	Tham khảo
Trợ cấp nhi đồng	Trợ cấp cho trẻ em sẽ được chi trả cho những người nuôi dưỡng trẻ em từ khi sinh ra cho đến trước khi trẻ hoàn thành lớp 12 (cho đến ngày 31 tháng 3 sau khi trẻ tròn 18 tuổi). Cấp cho người nuôi dạy em bé và phía phụ huynh đang có sinh kế cao hơn	Khi tiến hành thẩm tra trợ cấp nhi đồng thì chúng tôi sẽ xác nhận thu nhập và loại hình bảo hiểm lương hưu mà bạn tham gia.
Trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng	Gia đình không có Cha hoặc Mẹ . Gia đình có Cha hoặc Mẹ bị khuyết tật , phụ cấp cho đến khi được 18 tuổi (đến ngày 31 tháng 3)	Có thể không được trợ cấp nếu có thu nhập v.v...vượt quá mức qui định
Trợ cấp nuôi dưỡng nhi đồng đặc biệt	Trợ cấp cho người nuôi dưỡng con em khuyết tật với một mức độ được kiểm định cho đến 20 tuổi .	Có thể không được trợ cấp nếu có thu nhập v.v...vượt quá mức qui định
Phúc lợi cho gia đình chỉ có Cha hay Mẹ	Tiền trợ cấp sẽ được chi trả cho người giám hộ như gia đình đơn thân đang nuôi dạy trẻ trong độ tuổi ăn học, v.v... và có địa chỉ tại thành phố Isesaki từ 6 tháng trở lên.	Trường hợp là người nước ngoài thì cần phải có tư cách lưu trú là vĩnh trú hoặc vĩnh trú đặc biệt.
Phúc lợi cho nhi đồng vì thương tật giao thông	Khoản trợ cấp này được cung cấp cho những người nuôi con mồ côi do tai nạn giao thông (TNLD) chưa học hết trung học cơ sở (đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi đủ 15 tuổi) hoặc trẻ em dưới 20 tuổi bị khuyết tật nhất định.	
Chúc mừng sinh nở	Chu cấp cho người bảo hộ nuôi dưỡng một em bé trong độ tuổi cưỡng bức giáo dục.	Trường hợp là người ngoại quốc, phải có tư cách vĩnh trú hay diện vĩnh trú đặc biệt.

児童福祉(じどうふくし)

■主な育児支援

担当窓口：子育て支援課、こども家庭センター、こども保育課、各支所市民サービス課、図書館課

種類	内容
児童館・児童センター	児童に健全な遊びを提供し、心身の向上発達を図るとともに、情操を豊かにすることを目的とする施設です。
放課後児童クラブ	昼間保護者が家庭にいない小学生を対象に、適切な遊びや生活の場を与え健全育成を図っています。
ファミリー・サポート・センター	子育ての手伝いをしてほしい人と子育ての支援を行いたい人からなる会員組織です。 ※お問い合わせ：市ファミリー・サポート・センター (こども保育課内 TEL 0270-23-6471)
子育て支援拠点事業	乳幼児およびその保護者の交流を行う場所を開設し、子育てについての相談、情報の提供などを行います。
一時預かり	保育施設に入所していない児童を一時的に預かり保育します。
休日保育	保育施設に入所している児童を対象として、日曜日・祝日などの休日に保育を行います。
こども家庭センター	子育てに関する相談や子育て支援ノートブックの配布などを行っています。 (保健センター内 TEL 0270-27-6291)
ブックスタート	10か月児健康相談の会場で、読み聞かせと絵本のプレゼントをしています。

■手当など

担当窓口：子育て支援課、各支所市民サービス課

種類	内容	備考
児童手当	高校修了前(18歳到達後の最初の3月31日まで)の児童を養育している人に支給します。 保護者のうち、生計を維持する程度の高い人に支給します。	児童手当の審査の際に加入年金の種別や所得の確認をします。
児童扶養手当	父または母がいない家庭、父または母が一定の障害にある家庭などで、18歳到達後最初の3月31日までの児童を養育している人に支給します。	所得制限などにより支給されない場合があります。
特別児童扶養手当	一定の障害のある20歳未満の児童を養育している人に支給します。	所得制限などにより支給されない場合があります。
ひとり親家庭等福祉手当	伊勢崎市に6カ月以上住所を有し、義務教育中の児童を養育しているひとり親家庭などの保護者に支給します。	外国人の場合は、永住者または特別永住者の在留資格を有する人
交通遺児等福祉手当	中学校修了前(15歳到達後の最初の3月31日まで)の交通(労災)遺児や、一定の障害のある20歳未満の児童を養育している人に支給します。	
出産祝金	第3子以降の出産に対し、伊勢崎市に6カ月以上住所を有する人に支給します。	外国人の場合は、永住者または特別永住者の在留資格を有する人

Nhà trẻ (0 tuổi~)

Liên hệ tại phòng Kodomo Hoiku tòa hành chính TEL 0270-27-2751

Phụ huynh vì công việc, bệnh tật, yếu sức, hay sinh nở mà không trông nom được con em, Thì được gửi nhà trẻ trông nom thay cho mình

● Điều kiện để xin vào

- Sống tại Isesaki, Có đăng ký thường trú
- Em bé không làm phương hại đời sống chung tại nhà trẻ
- Trường hợp người giám hộ đi làm hoặc bị bệnh, cần phải được chăm sóc, sinh đẻ, v.v... dẫn đến việc không thể nuôi dạy con

● Thủ tục ▪ Giấy tờ cần thiết

- Gia nhập trường vào tháng 4

Tiếp nhận đơn đăng ký vào khoảng tháng 9 của năm trước đó. Hãy nộp đơn đăng ký kèm hồ sơ cần thiết.

- Gia nhập trường vào tháng 5

Nộp đơn đến ngày 10, một tháng trước ngày muốn xin gửi trẻ vào Các giấy tờ dưới đây

- ① Khi làm đơn cho con em vào nhà trẻ
- ② Giấy chứng nhận làm việc của bố, mẹ, giấy chứng nhận nội dung bệnh lý (Có mẫu chỉ định)
- ③ Thẻ ngoại kiều của bố, mẹ

Trường mẫu giáo (3 tuổi đến 5 tuổi)

Trường mẫu giáo là cấp học trước khi lên bậc Tiểu học, xin làm đơn nộp tại trường muốn xin cho con học

Có 2 loại nhà trẻ, một của thành phố và một của tư lập. về nội dung giáo dục xin hỏi tại các trường để biết chi tiết thêm.

- Mẫu giáo công lập

Văn phòng trách nhiệm : Phòng giáo dục học đường (Gakumu Ka) TEL 0270-27-2787

- Mẫu giáo tư lập

Văn phòng trách nhiệm : Phòng giáo dục trẻ em TEL 0270-27-2751

● Cũng có thu nhận đợt bổ túc. Nhưng sẽ hết nhận đơn, khi đã đủ số học viên.

● Cách làm thủ tục

Gọi điện lạc tới nhà trẻ trước đây đã muốn gửi con, xác nhận các giấy tờ cần thiết, sau đó trực tiếp đưa con đến nhà trẻ để làm thủ tục.



保育所(ほいくしょ) (0歳～)

担当窓口：こども保育課（TEL 0270-27-2751）

保護者が働いていたり、病気・介護・出産などのために児童を家庭で保育できないときに、保護者にかわって保育する施設です。

●申込の条件

- ・伊勢崎市に住んでいて、住民登録していること
- ・保育所での集団生活に支障のない児童であること
- ・保護者の就労や病気、介護、出産などのため児童を保育できない場合であること

●手続き・必要書類

- ・4月の入所
前年の9月ごろに申込受付をしています。必要書類を添えて申込をしてください。
- ・5月以降の入所
入所したい月の前月 10 日までに必要書類を添えて申込をしてください。

① 保育施設入所申込書

② 父、母の就労証明書や、病状内容証明書（所定の様式があります）

③ 父、母の在留カード など

幼稚園(ようちえん) (3歳～5歳)

小学校へ入る前の教育を受けることのできる施設です。

公立と私立の2種類の幼稚園があります。教育内容などの詳細については各幼稚園にお問い合わせください。

・公立幼稚園

担当窓口：学務課 TEL 0270-27-2787

・私立幼稚園

担当窓口：こども保育課 TEL 0270-27-2751

●入園は随時受け付けています。ただし、定員になり次第募集は終了になります。

●手続き

事前に希望する幼稚園に電話連絡し、入園手続きに必要なものを確認の上、お子さんと一緒に直接幼稚園に行って、手続きをしてください。

Tiểu học • Trung học (6 tuổi đến 15 tuổi)

Liên hệ tại phòng giáo dục học đường (Gakumu ka) TEL 0270-27-2787

Tại thành phố Isesaki , vì có nhiều người ngoại quốc , nên tại trường còn có lớp Nhật ngữ cho các con em này , ngoài ra còn có các Cô Thầy biết tiếng Tây ban Nha và Bồ đào Nha , hầu để cho con em người ngoại quốc được yên tâm học tập

●Việc Nhập học trường tiểu học , trung học

Tháng 9 năm trước đó , sẽ gửi phiếu thông báo 「Kiểm tra sức khỏe nhập học」

Đối với bậc tiểu học • trung học, trước thời kỳ nhập học vào cuối tháng 1, thành phố sẽ gửi 「thông báo nhập học 」 đến nhà.

※Nếu có các trường hợp từ ①～② dưới đây xin liên lạc để biết

①Xuất cư • Thay đổi địa chỉ

②Thông báo không được gửi đến, nội dung thông báo có sự sai sót.

●Lần đầu tiên xin nhập học vào trường tại Nhật Bản, Hãy mang theo Hộ chiếu và thẻ lưu trú của con mình đến Phòng giáo dục của Thành phố (tại cửa số 40 tầng 4 tòa nhà chính của Tòa hành chánh) để làm thủ tục cho con em nhập học.

●Lúc thay đổi trường

①Từ ngoài chuyển đến Isesaki :

Làm thủ tục cư trú tại (Tòa hành chánh , ở tầng 1 cửa số 1) phòng thị dân , Sau đó xin lên làm thủ tục tại.

②Khi đổi địa chỉ trong phạm vi Tp Isesaki :

Khi chuyển nhà đi khỏi khu vực ,Trường học sẽ thay đổi , Xin trình để làm thủ tục tại trường đang học , và sau khi làm thủ tục chuyển đổi địa chỉ tại phòng thị dân , Xin đến làm thủ tục chuyển trường tại phòng giáo dục

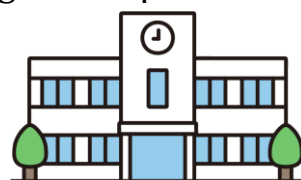
③Khi chuyển nhà ra khỏi Tp Isesaki :

Nhận giấy chứng nhận của trường đang học, đem đến phòng thị dân khi làm thủ tục chuyển nhà ra khỏi Thành phố, sau đó nộp cho ủy ban giáo dục của Thành phố hay phường xã nơi đã chuyển đến để được hướng dẫn.

●Thủ tục xin đổi trường được chỉ định

Trường hợp dưới đây , được thay đổi trường học ngoài vùng được quy định

- Khi đã đổi nơi ở trong thành phố , nhưng muốn học hết học kỳ tại trường hiện tại.
- Trường hợp vợ chồng cùng làm chung công việc, mà phải gửi con tại nhà bà con hoặc tại nhà trẻ của khu vực khác



小学校・中学校(しょうがっこう・ちゅうがっこう) (6歳～15歳)

担当窓口：学務課（TEL 0270-27-2787）

伊勢崎市では、外国籍の子どもたちの多い学校に日本語教室を設置し、ポルトガル語やスペイン語などを話せる職員を学校へ派遣しています。外国籍の子どもが日本の学校で安心して学べるよう、積極的に支援します。

●小学校・中学校への入学

小学校へ入学する前年の9月に、「就学時健康診断のお知らせ」を送ります。

小・中学校へ入学する前の1月末に「入学通知」を送ります。

※①、②の場合は、早めに連絡してください。

①転出・転居予定がある。

②入学通知が届かない、内容に誤りがある。

●日本の学校に初めて入るとき

お子さんの在留カードとパスポートを持って、学務課で手続きをしてください。

●転校するとき

①市外から伊勢崎市へ引っ越して来るとき

市民課(市役所本館 1 階 1 番窓口)で転入手続きをした後、学務課で手続きをしてください。

②伊勢崎市内で住所が変わるとき

学区外へ転居すると、学校が変わります。現在の学校から転校の書類をもらい、市民課で転居手続きをした後、学務課で転校手続きをしてください。

③伊勢崎市を出て、ほかの市町村で暮らすとき

現在の学校から転校の書類をもらい、市民課で転出の手続きをし、新しく住む市区町村の教育委員会の指示を受けてください。

●指定校変更手続き

次のような場合、通学区以外の学校への就学変更を認めます。

- ・転居したが、学期末まで現在の学校に通う場合
- ・共働きなどで、他の通学区域の親戚や学童にお子さんを預ける場合

Khu phố (khóm) và khu trưởng (khóm trưởng)

Quầy phụ trách : Hành chánh Tel : 0270-27-2702

● Khu phố là gì ?

Tại Tp Isesaki có tất cả 170 khu phố, để làm tốt đẹp khu phố, Xin mọi người tích cực tham gia tổ chức này. Vì vậy, khi muốn tham gia sinh hoạt tại khu phố mình đang ở, xin liên lạc với khu trưởng (khóm trưởng), hay tổ trưởng để biết về việc tham gia khu phố.

● Khu trưởng (Khóm trưởng) là ai?

Khu trưởng là người đại biểu diện cho khu phố, vì vậy, có thể liên hệ để được tư vấn các sinh hoạt trong khu phố.

● Việc hoạt động của khu phố

- Quản lý khu trạm vứt rác ▪ Làm sạch khu phố
- Tự chủ phòng chống thiên tai ▪ an toàn giao thông ▪ chống phạm
- Hội trẻ em ▪ Hội phụ lão v.v...
- Phân phát các bản thông tin, liên lạc
- Thực hiện các lễ hội khu phố, các sinh hoạt văn hóa
- Quyên góp tiền tương trợ

※Nếu không biết rõ Trưởng khóm của khu phố mình đang ở, xin hỏi tại phòng hành chánh.

Âm thanh lớn và tiếng nói chuyên

Quầy phụ trách : Phòng Chính sách Môi trường TEL 0270-27-2733

Những âm thanh khó tránh trong sinh hoạt đời sống, tự bản thân mình cảm thấy những âm thanh vui nhộn, âm thanh làm sáng khoái, nhưng có thể làm người khác thấy ồn ào khó chịu.

Những 「Tiếng ồn từ sinh hoạt đời sống」 là một nguyên nhân gây nhiều vấn đề đụng chạm với hàng xóm, vì vậy xin hãy 「để tâm」 đến

■ Để không gây vấn đề với hàng xóm xin 「để tâm」

- Múc thời gian sinh hoạt
- Dùng phương cách không để âm thanh rò rỉ ra ngoài
- Hạ nhỏ âm thanh
- Sử dụng các máy móc điện cụ có âm thanh nhỏ
- Hãy xem việc giao thiệp tốt đẹp với hàng xóm là cần thiết



町内会と区長さん(ちょうないかいとくちょうさん)

担当窓口：行政課 TEL 0270-27-2702

●町内会(ちょうないかい)とは…

伊勢崎市には 170 の町内会があり、住みよいまちづくりを目指して、様々な取り組みをしています。積極的に町内会へ加入しましょう。
なお、町内会の加入は区長、組長(班長)さんに相談してください。

●区長(くちょう)さんとは…

区長さんは町内会の代表者です。町内会の活動は区長さんを中心に行われていますので、わからないことなどを気軽に相談してください。

●町内会の活動

- ・ごみステーションの管理・きれいなまちづくり
 - ・自主防災、交通安全、防犯活動
 - ・子ども会、老人クラブなどの団体の育成
 - ・広報や回覧物の配布
 - ・お祭りやスポーツレクリエーションなど地区行事への参加
 - ・募金への協力
- ※あなたの町内の区長さんがわからない場合は、行政課に聞いてください。

大(おお)きな音(おと)や声(こえ)

担当窓口：環境政策課 TEL 0270-27-2733

生活していくうえで避けられない音、自分にとっては都合の良い音や楽しい音、快適な音が他の人にとっては不快な音、うるさい音として受け取られることがあります。

そのような「生活騒音」問題は、ご近所とのトラブルになりやすいため、日頃から近隣の生活環境に「気配り」しましょう。

■トラブルをなくすための周りへの「気配り」

- 時間帯に配慮しましょう。
- 音が漏れないよう工夫をしましょう。
- 音を小さくする工夫をしましょう。
- 音の小さな機器を使いましょう。
- ご近所との付き合いを大切にしましょう。

Cách vứt Rác (Gomi)

Phòng tài nguyên môi trường TEL 0270-27-2732

- Rác phải bỏ vào loại bao được thành phố quy định.
- Hãy mua tại siêu thị các loại bao rác được thành phố chỉ định gồm các loại (bao rác đốt, bao rác không đốt được, bao đựng chai lọ làm bằng Plastic, bao đựng lon, bao đựng chai)
- Phải vứt rác đúng nơi và ngày giờ được quy định.
※ Nếu không biết trạm vứt rác ở đâu xin hỏi để được hướng dẫn.
- Phải vứt rác trước 8 giờ 30 sáng trong ngày được chỉ định .
- Để rác không bị rơi ra ngoài , hãy bỏ vào trong lưới hoặc trong khung lồng .
- Hãy sắp xếp và quét dọn sạch sẽ khu bỏ rác.
- Nếu vứt rác bừa bãi là phạm pháp (là một tội phạm)
- ※ Các 「Lịch thu gom rác và tài nguyên」 v.v... được phân phát tại tòa thị chính và nhà văn hóa và cũng có thể kiểm tra trên trang web của thành phố.

【Lịch thu gom rác bằng các thứ tiếng ngoại quốc • Cách phân loại rác tài nguyên và rác thông thường • Bản hướng dẫn phân loại rác】

Hãy xem lịch thu gom rác nơi khu vực (khu phố) mình sinh sống

Tiếng Nhật dễ hiểu	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Anh
			
Tiếng Philippin	Tiếng Việt	Tiếng Trung	
			

※ Vui lòng tải ứng dụng "Sana~ru" để tìm kiếm ngày thu gom rác và cách phân loại rác.
(Có sẵn các ngôn ngữ: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Việt Nam, Tagalog, Trung Quốc).

iOS	Android
	



ごみの出し方

担当窓口：資源循環課 TEL 0270-27-2732

- 正しく分別して、「市指定ごみ袋」で出してください。
- 市指定ごみ袋(もえるごみ袋、もえないごみ袋、プラスチック製容器包装袋、缶袋、びん袋)は、お店で購入してください。
- 決められた「ごみ集積所(しゅうせきじょ)」、「収集日(しゅうしゅうび)」に出してください。
※ごみ集積所の場所がわからない場合は、お問い合わせください。
- 収集日当日の「朝 8 時 30 分まで」に出してください。
- 散乱防止のため、「ネットやカゴの中」に入れてください。
- ごみ集積所は、「整理・整頓」して使用してください。
- ごみの不法投棄は犯罪(はんざい)です。
※「資源とごみの収集カレンダー」などは、市役所や公民館で配布しており、市ホームページからも確認できます。

【外国語ごみ収集カレンダー・資源とごみの分け方と出し方・ごみ分別辞典】

自分の住んでいる地区(町)のカレンダーを見てください。

やさしい日本語	スペイン語	ポルトガル語	英語
			
タガログ語	ベトナム語	中国語	
			

※ごみ出し日やごみの分別方法を検索できるアプリ「さんあ〜る」をダウンロードしてください。

(ポルトガル語、スペイン語、英語、ベトナム語、タガログ語、中国語)

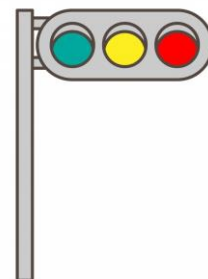
iOS 版	Android 版
	

Luật giao thông

Quầy phụ trách : Phòng chính sách giao thông TEL 0270-27-2734

■ Luật lệ cơ bản

- Người đi bộ thì đi bên phải. Xe đạp • xe hơi chạy bên trái.
- Giữa người đi bộ và xe đạp • xe hơi thì người đi bộ được ưu tiên
- Xin hãy tuân thủ đèn tín hiệu và các biển báo trên đường.
- Hãy tuân thủ hiệu lệnh của cảnh sát hướng dẫn
- Hãy đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp



■ Phương cách đi của người bộ hành

- Nếu có lề đường, xin đi trên lề đường
- Đoạn đường không có lề đường, hãy đi phía bên phải
- Khi băng qua đường, bắt buộc đứng lại quan sát bên trái bên phải rồi hãy đi qua
Khi có đường vạch dành cho người qua đường ở gần đó, hãy sử dụng để qua đường.
- Khi đi ra ngoài vào ban đêm, nên mang áo quần có màu sắc sáng hoặc dùng bản phản xạ đeo lên người.

【Phim ảnh nói về an toàn giao thông】

- Việc tuân thủ khi đi bộ trên đường

Tiếng Nhật dễ hiểu	Tiếng Anh	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Tây ban nha
Tiếng Việt	Tiếng Philippin	Tiếng Hoa	Tiếng Indonesia
Tiếng Thái	Tiếng Bengaru	Tiếng Nepal	Tiếng Urdu

- Việc tuân thủ khi đi xe đạp

Tiếng Nhật dễ hiểu	Tiếng Anh	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Tây ban nha
Tiếng Việt	Tiếng Philippin	Tiếng Hoa	Tiếng Indonesia
Tiếng Thái	Tiếng Bengaru	Tiếng Nepal	Tiếng Urdu

交通ルール

担当窓口：交通政策課 TEL 0270-27-2734

■基本ルール

- 歩行者は右側通行、自転車・自動車は左側通行です。
- 歩行者と自転車・自動車では歩行者優先です。
- 信号機や交通標識を守ってください。
- 警察官の指示に従ってください。
- 自転車に乗るときはヘルメットをかぶりましょう。

■歩行者の通行方法

- 歩道がある道路では、歩道を通行します。
- 歩道がない道路では、道路の右側を通行します。
- 道路を横断する時は、必ず一度止まり左右の安全を確認します。
また、横断歩道が近くにあるところでは、横断歩道を渡ります。
- 夜間に外出する時は、明るい服装や反射材を身につけましょう。

【交通安全動画】

- ・道路を歩くときのおやくそく

やさしい日本語	英語	ポルトガル語	スペイン語
			
ベトナム語	カンク語	中国語	インドネシア語
			
タイ語	ベトナム語	ネパール語	ウルドゥー語
			

- ・自転車にのるときのおやくそく

やさしい日本語	英語	ポルトガル語	スペイン語
			
ベトナム語	カンク語	中国語	インドネシア語
			
タイ語	ベトナム語	ネパール語	ウルドゥー語
			

Việc nuôi Chó

Quầy phụ trách : Phòng Chính sách Môi trường (Kankyo Seisaku Ka)

TEL 0270-27-2733

(Quầy nằm ở Tầng 2, Tòa nhà Quản lý Trung tâm Dọn dẹp và Tái chế, Shibamachi 954)

Người nuôi Chó phải đăng ký , và phải chủng ngừa bệnh Chó dại .



■Việc đăng ký và chủng ngừa bệnh Chó dại

Các mục	Nội dung	Lệ phí
Đăng ký nuôi Chó	Chó sau khi sinh ra được 91 ngày, theo qui định của pháp luật, người nuôi chó phải có trách nhiệm khai báo và đăng ký tại phòng bảo vệ môi trường, Thủ tục đăng ký, Phòng chính sách môi trường, Hội trường chích ngừa phòng bệnh chó dại, có thể thực hiện tại các bệnh viện thú vật.	Phí đăng ký là 3,000yen
Tiêm phòng bệnh dại	Chó sau khi sinh ra được 91 ngày, theo qui định của pháp luật, người nuôi chó phải đưa Chó đi chủng ngừa bệnh Chó dại, thực hiện tại cơ sở được qui định hay tại các bệnh viện thú vật trong Thành phố. ※Nếu tiêm phòng tại cửa hàng thú cưng hoặc bệnh viện thú y ngoài thành phố và không nhận được giấy chứng nhận tiêm chủng (mặt đồng hình trái tim), bạn cần mang giấy chứng nhận tiêm phòng đến Phòng Chính sách Môi trường để nhận giấy chứng nhận tiêm chủng (phí cấp là 550 yen).	Phí chủng ngừa cho chó là 3,500 yen
Khai báo lại khi có việc thay đổi	Chó nuôi có đăng ký đã bị chết, Đã thay đổi người nuôi, khi di dời nơi ở, nhanh chóng khai báo cho phòng chính sách môi trường biết.	Miễn phí

- Giá chích ngừa thời điểm hiện tại tháng 4 năm 2025, về sau có thể sẽ được thay đổi.
- Khi người nuôi Chó di dời hộ khẩu , xin hãy khai báo với Thành phố nơi mình dời đến.
- Ngày tháng và hội trường chủng ngừa (Chủng ngừa tập thể) Xin xem ở trang mạng thông tin của Thành phố .
- Cấm không được để chó phóng uế bừa bãi
Không được vứt phân , hoặc để chó phóng uế ngoài đường , trong công viên , hoặc trong khu đất người khác. Khi vi phạm có thể bị phạt
- Nghĩa vụ xích chó lại
Chó phải được xích hoặc quây bằng hàng rào hoặc chuồng và không được phép đi lại tự do.
Khi đi dạo thì nhất định phải dắt bằng dây dắt chó
- Nếu chó của bạn lỡ làm người khác bị thương
Hãy sơ cứu người bị thương và nhanh chóng đưa họ đến bệnh viện.
Ngoài ra, cần phải nộp đơn báo cáo sự cố lên trung tâm bảo hộ động vật tỉnh Gunma.
Trung tâm bảo hộ động vật tỉnh Gunma TEL 0270-75-1718

飼い犬(かいいぬ)について

担当窓口：環境政策課 TEL 0270-27-2733
(窓口：柴町 954 清掃リサイクルセンター21 管理棟 2 階)

犬の飼い主は市に犬の登録をし、狂犬病予防注射を受けさせましょう。

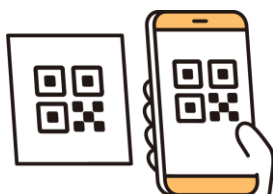
■犬の登録と狂犬病予防注射

項目	内容	料金
犬の登録	生後 91 日以上の飼い犬は、登録を行うことが法律で義務付けられています。 登録の手続きは、環境政策課、狂犬病予防注射会場、市内の動物病院で行うことができます。	登録料金 3,000 円
狂犬病予防注射	生後 91 日以上の飼い犬は、年 1 回の狂犬病予防注射を行うことが法律で義務付けられています。 予防注射は、狂犬病予防注射会場、市内の動物病院などでできます。 ※ペットショップや市外の動物病院などで注射し、注射済票（ハート型の金属プレート）の交付を受けなかった場合は、注射した証明書を環境政策課窓口へ持参して、注射済票の交付を受ける必要があります。 (交付手数料 550 円)	狂犬病予防注射 会場の注射料金 3,500 円
登録内容の変更	登録した犬が死亡した、飼い主が変わった、引っ越したなどのときには、速やかに環境政策課に届出をしてください。	無料

- 注射料金は令和 7 年 4 月現在です。今後、変更になる可能性があります。
- 登録した犬が市外に転出した場合には、転出先の市区町村に届出をしてください。
- 狂犬病予防注射会場(集合注射)の日程については、広報やホームページなどでお知らせしています。
- 犬のフンの放置禁止
公園や道路、他人の土地に犬のフンを放置してはいけません。違反すると条例により罰せられることがあります。
- 係留義務
犬は鎖でつないだり柵やおりなどで囲い、放し飼いはやめましょう。
散歩中は必ずリードなどで繋いでください。
- 飼い犬が人にけがをさせてしまったら
けがをした人への応急手当と病院への搬送を行ってください。
また、群馬県動物愛護センターへ事故発生届書の提出が必要です。
群馬県動物愛護センター TEL 0270-75-1718

Thông tin đời sống trên Inter Net

Facebook của Hiệp hội giao lưu quốc tế Isesaki Chia sẻ thông tin về các sự kiện và thông tin liên quan đến cuộc sống và hành chính trên Facebook.	
NHK WORLD-JAPAN Có thể xem thông tin bằng 20 thứ ngôn ngữ, các thông tin hữu ích cho đời sống sinh hoạt.	
Cổng thông tin hỗ trợ cuộc sống cho người nước ngoài Cung cấp thông tin giúp người nước ngoài sống an toàn tại Nhật Bản.	
Trang chủ thành phố Isesaki Các loại thông tin như thông tin về cuộc sống hàng ngày, các thông báo liên quan đến tham quan, sự kiện, v.v... đã và đang được đăng tải trên trang. Trang có dịch tự động hỗ trợ 108 ngôn ngữ. Trang web dành cho người nước ngoài cung cấp thông tin cần thiết cho cuộc sống hàng ngày bằng 「Tiếng Nhật đơn giản」.	
Facebook chính thức của thành phố Isesaki Cập nhật thông tin về cuộc sống và các sự kiện.	
Twitter (X) chính thức của thành phố Isesaki Cập nhật thông tin về phòng chống thiên tai, an ninh và các thông tin khẩn cấp.	
Thông báo từ thành phố Isesaki 『Kuwamaru Radio』 (Isesaki FM76.9) Truyền tải các thông tin cuộc sống hàng ngày và thông tin sự kiện. (Có thể nghe trực tuyến) Ngày phát sóng : Từ thứ 2 ~ thứ 6 hàng tuần Thời gian : 7h54~59 phút sáng 1h25~30 phút chiều 5h50~55 phút chiều 【Phát sóng bằng ngoại ngữ】 Tiếng anh : Thứ 4 tuần thứ 1 Tiếng Bồ Đào nha : Thứ 4 tuần thứ 2 Tiếng Việt : Thứ 4 tuần thứ 3 Tiếng Tây Ban Nha : Thứ 4 tuần thứ 4	
	
	



インターネットの生活情報

伊勢崎市国際交流協会 Facebook イベント案内に関する情報ははじめ、生活や行政に関する情報をフェイスブックで発信しています。	
NHK WORLD-JAPAN ニュースや生活に役立つ情報を20言語で見られます。	
外国人生活支援ポータルサイト 日本で安心して生活するための情報を提供しています。	
伊勢崎市ホームページ くらしの情報や観光・イベントに関するお知らせなどさまざまな情報を掲載しています。自動翻訳で108言語に対応しています。外国人向けサイトでは、生活に必要な情報を「やさしい日本語」で掲載しています。	
伊勢崎市公式 Facebook 生活に関する情報やイベント案内を随時発信しています。	
伊勢崎市公式 X 防災・防犯および緊急時に必要な情報を中心に発信しています。	
伊勢崎市からのお知らせ『くわまるラジオ』（いせさきFM76.9） 生活に関する情報やイベント案内を放送しています。 （ネット配信でも聴けます） 放送日：毎週月～金曜日 時間：午前7時54分～59分 午後1時25分～30分 午後5時50分～55分 【外国語放送】 英語 第1水曜日 ポルトガル語 第2水曜日 ベトナム語 第3水曜日 スペイン語 第4水曜日	
	
	

Chung cư thành phố (Shiei jutaku)

Xin liên hệ Tại Phòng nhà đất của Tp TEL 0270-27-2764

●Mục đích của chung cư Thành Phố

Mục đích nhà của Thành phố , là giúp đỡ những hộ dân khó khăn , có thu nhập thấp , vì vậy để được sống trong Chung cư này , phải hội đủ các điều kiện quy định

●Điều kiện để xin vào

- (1) Diện khó khăn về nhà ở
- (2) Gia đình có 2 người trở lên , hoặc hộ chỉ có 1 người.
- (3) Toàn bộ người trong hộ , đóng nộp đầy đủ thuế Thị Dân
- (4) Toàn bộ thành viên trong gia đình không phải thành viên dự bị hoặc thành viên chính thức trong tổ chức bạo lực
- (5) Khi dọn vào ở , có khả năng đóng trước 3 tháng tiền đầu
- (6) Hộ chỉ có 1 người, có thể nhận 1 người làm bảo lãnh
- (7) Thu nhập chỉ ở mức độ thấp , dưới mức quy định
- (8) Theo nguyên tắc, diện định cư (vợ hoặc chồng của người Nhật, bao gồm vợ hoặc chồng của người vĩnh trú), Người có tư cách vĩnh trú, và người có tư cách vĩnh trú đặc biệt.

●Thời gian xin nhà

Việc tuyển chọn (dự kiến) được thực hiện 3 lần vào tháng 5, tháng 9 , tháng 1.

Cũng có các đợt tuyển người đột xuất, xin xem trên trang quảng cáo của Thành phố.

●Khi xin ra khỏi Chung cư Tp

Xin làm thủ tục ra khỏi nhà trước 15 ngày tính ngược từ ngày muốn dọn ra.



市営住宅(しえいじゅうたく)

担当窓口：住宅課（TEL 0270-27-2764）

●市営住宅とは

市営住宅とは、住宅にお困りの低所得の方のために、安い家賃で貸すことを目的として建てられた住宅です。このため、市営住宅の入居には申込資格が定められています。

●申込資格(条件)

- (1)住宅に困窮していること
- (2)2人以上の世帯員(家族)または1人世帯
- (3)世帯の全員が、市町村民税などの滞納がないこと
- (4)世帯の全員が、暴力団員の構成員及び準構成員でないこと
- (5)入居するとき、敷金として家賃の3カ月分を納められること
- (6)1人世帯で申込む場合は、身元引受人1人をつけられる人
- (7)収入が、条例で定めた基準以内であること
- (8)原則として、定住者（日本人の配偶者等、永住者の配偶者等を含む）、永住許可を受けた者、又は特別永住者の資格を有する者

●入居募集

募集は5月、9月、1月の年3回（予定）です。随時募集も行っています。詳細は、広報やホームページに掲載します。

●退去するときの注意

市営住宅から退去する15日前までに住宅課で必要な手続きを行ってください。

Sử dụng nước sạch và nước thải (Suido)

Quầy phụ trách : Phòng cấp và xử lý nước
TEL 0270-30-1230 FAX 0270-21-1101

● Để ổn định nguồn nước . xin mọi người làm thủ tục và trả tiền nước đúng theo quy định

① Lúc bắt đầu sử dụng , hãy gọi điện thoại thông báo sớm.

Làm giấy hợp đồng 「Nước máy (nước thải) ghi chép ngày (Bắt đầu xin sử dụng)」

※ Để làm tiền bảo chứng , sẽ triệt thu 10,000yen cùng lúc với tiền nước lần đầu .

Nhưng sau khi quá 5 năm . hoặc di chuyển đi nơi khác , tiền này sẽ được trả lại

② Cứ 2 tháng sẽ được kiểm công tơ nước 1 lần .

Xin đừng để các đồ đoàn vật dụng quanh khu vực Công tơ nước để việc kiểm đo được nhanh chóng.

③ Tiền nước sẽ được thu vào mỗi 2 tháng 1 lần.

※ Thanh toán qua các Ngân hàng, thanh toán tại Combini, qua Appli máy điện thoại, tại Phòng tổng hợp thuế của Thành phố, tại các phòng phục vụ nhân dân tại các chi nhánh hành chính địa phương, hoặc trả tại văn phòng công ty cấp nước của Thành phố.

▪ Bạn có thể thanh toán bằng cách chuyển khoản ngân hàng.

Thực hiện thủ tục trên trang web của thành phố, tại các tổ chức tài chính hoặc tại quầy thu phí nước sạch và nước thải.

④ Khi muốn ngưng sử dụng , xin liên lạc sớm qua điện thoại

※ Các trường hợp sau đây , sẽ bị cắt nguồn nước.

- Không liên lạc để xin mở nguồn nước
- Không trả tiền bảo chứng
- Không chịu trả tiền nước



上下水道(じょうげすいどう)の使用

担当窓口：上下水道局料金窓口

(TEL 0270-30-1230・FAX 0270-21-1101)

●安全な水道水を飲むために、正しい手続きと料金のお支払いをお願いします。

①使い始めるとき…

電話で早めに連絡してください。

その後、「水道(下水道)使用契約書(開始届)」を提出してください。

→郵送または上下水道局の窓口で申込みしてください

※契約保証金として、最初の水道料金と一緒に 10,000 円をお預かりします。

契約保証金は、5 年経過後または水道の使用を中止した後にお返しします。

②検針…

2 カ月に 1 度水道メーターの検針を行っています。

検針がスムーズにできるようメーターボックスのまわりに物を置かないでください。ご協力をお願いします。

③支払い

・料金の請求は 2 カ月に 1 回です。

※金融機関、コンビニエンスストア、スマートフォンアプリ決済、
市役所税総合窓口、各支所庶務課、上下水道局料金窓口でお支払いください。

・口座振替によるお支払いもできます。市ホームページ、取扱金融機関または上下水道局料金窓口で手続きをしてください。

④止めるとき…

電話などで早めに連絡してください。

※次の場合は給水を停止させていただく場合があります。

- ・開始の連絡がない。
- ・契約保証金の支払いがない。
- ・料金の支払いがない。

● Về tiền nước sinh hoạt

Tùy theo độ lớn của đồng hồ nước mà tiền cơ bản và tiền sử dụng nước được tính khác nhau, bao gồm cả tiền thuế tiêu dùng (Không tính phần lẻ).

■ Tiêu chuẩn tính tiền nước theo độ lớn đường ống

(tính 2 tháng lần • chưa tính thuế)

Đường kính đồng hồ nước	Phí cơ bản
13mm	1,520 yên
20mm	2,100 yên
25mm	4,220 yên
30mm	9,600 yên
40mm	22,200 yên
50mm	43,200 yên
75mm	78,400 yên
100mm	105,400 yên
150mm	210,600 yên

■ Phí theo lượng nước sử dụng

(2 tháng, chưa bao gồm thuế)

Lượng nước	Phí (theo 1 m ³)
Từ 1~20m ³	70 yên
Từ 21~40 m ³	115 yên
Từ 41~100 m ³	130 yên
Trên 101 m ³	145 yên

● Phí sử dụng hệ thống nước thải

Người sử dụng hệ thống nước thải sẽ phải trả phí sử dụng nước thải.

Phí sử dụng nước thải bao gồm một khoản phí cơ bản và một khoản phí theo lượng nước sử dụng, cộng với thuế tiêu thụ (làm tròn xuống).

■ Phí cơ bản

(2 tháng, chưa bao gồm thuế)

Phí cơ bản
Cố định 1,400 yên

■ Phí theo lượng nước sử dụng

(2 tháng, chưa bao gồm thuế)

Lượng nước	Phí (theo 1 m ³)
Từ 1~20 m ³	58 yên
Từ 21~50 m ³	95 yên
Từ 51~100 m ³	106 yên
Từ 101~500 m ³	109 yên
Trên 501 m ³	113 yên

●水道料金

メーターの口径に応じた基本料金および使用水量に応じた水量料金の合計額に消費税率を掛けた額(端数切捨て)になります。

■口径別基本料金(2 カ月分・税抜)

メーターの口径	基本料金
13mm	1,520 円
20mm	2,100 円
25mm	4,220 円
30mm	9,600 円
40mm	2 万 2,200 円
50mm	4 万 3,200 円
75mm	7 万 8,400 円
100mm	10 万 5,400 円
150mm	21 万 600 円

■水量料金(2 カ月分・税抜)

水量	料金(1m ³ 当たり)
1～20m ³	70 円
21～40 m ³	115 円
41～100 m ³	130 円
101 m ³ 以上	145 円

●下水道使用料

下水道を使用している方には下水道使用料が掛かります。

下水道使用料は、メーターの口径に関係なく一律の基本料金および使用水量に応じた水量料金の合計額に消費税率を掛けた額(端数切捨て)になります。

■基本料金(2 カ月分・税抜)

基本料金
一律 1, 400円

■水量料金(2 カ月分・税抜)

水量	料金 (1 m ³ 当たり)
1～20 m ³	58円
21～50 m ³	95円
51～100 m ³	106円
101～500 m ³	109円
501 m ³ 以上	113円



Phòng chống thiên tai (Bosai)

Văn phòng an toàn an sinh Xã hội TEL 0270-27-2706

● **Tìm hiểu thông tin thiên tai**

Hãy cùng xác nhận thông tin phát sinh thiên tai bằng các trang web hoặc phần mềm điện thoại.

Cục khí tượng 【Web】 Phát thông tin khí tượng bằng 15 thứ tiếng, cung cấp bản đồ có phân màu các cấp độ nguy hiểm của các loại thiên tai khác nhau. 	Dữ liệu từ điển đa ngôn ngữ 
Safety tips 【Phần mềm】 Là phần mềm miễn phí thông báo các tin nhanh khẩn cấp về động đất hoặc thông tin lánh nạn, v.v... Được cung cấp bằng 14-15 thứ tiếng.   Android iOS	
Japan Official Travel App 【Phần mềm】 Thông báo cho người sử dụng thông tin về các vùng bị ảnh hưởng do cục khí tượng phát thông tin. 	
Email thông tin Iseski 【Mail】 Là dịch vụ phát thông báo về các thông tin phòng chống thiên tai qua email đã đăng ký. (Chỉ có tiếng Nhật) Địa chỉ email dùng để đăng ký (Hãy gửi 1 mail trống tới địa chỉ mail này.) t-isesaki@sg-p.jp 	
Dịch vụ Fax 【FAX】 Là dịch vụ phát thông báo về các thông tin phòng chống thiên tai qua địa chỉ fax đã đăng ký. (Đối ứng được nhiều ngôn ngữ) 	
Nút d của Tivi 【TV】 Nếu ấn nút d khi đang xem các chương trình trên tivi thì có thể xác nhận được thông tin khí tượng và mực nước sông, biển, v.v...	
X、Facebook 【SNS】 Trên các tài khoản công khai của thành phố đều có đăng tải thông tin thiên tai và thông tin lánh nạn.	
Thông tin về việc mở cửa nơi lánh nạn・tình trạng tắc nghẽn 「VACAN」 【Web】 Có thể xác nhận thông tin về việc mở các nơi trú ẩn và tình trạng tắc nghẽn trong thời gian thực. 	
Trang chủ cục quản lý xuất nhập cảnh 「Cổng thông tin hỗ trợ cuộc sống người nước ngoài」 (Khẩn cấp・Thảm họa) Đăng tải thông tin sơ tán và phương pháp sơ tán trong trường hợp xảy ra thảm họa. 	

防災(ぼうさい)

担当窓口：安心安全課 TEL 0270-27-2706

●災害の情報を調べる

災害の発生情報を Web サイトやスマートフォンのアプリなどで確認しましょう。

気象庁【Web】

気象情報を 15 言語で発信し、災害別の危険度を色分けした地図を提供しています。



多言語辞書 データ



Safety tips【アプリ】

緊急地震速報や避難情報などを通知する無料アプリです。14 か国語 15 言語で提供しています。



Android 版 iOS 版

Japan Official Travel App【アプリ】

気象庁から発表された情報を影響地域のユーザーにプッシュ通知されます。



いせさき情報メール【Mail】

登録制のメール配信サービスで、防災情報などをメールで配信します。（日本語のみ）

登録用メールアドレス（こちらに空メールを送ってください） t-isesaki@sg-p.jp



ファクス配信サービス【FAX】

登録制のファックス配信サービスで、防災情報などをファックスで配信します。（多言語非対応）



テレビdボタン【TV】

テレビの番組視聴中にリモコンのdボタンを押すと気象情報や河川の水位などが確認できます。

X、Facebook【SNS】

市の公式アカウントでも災害情報や避難情報などを掲載します。

避難所開設・混雑情報「VACAN」【Web】

避難所の開設や混雑状況などリアルタイムで確認できます。



出入国在留管理庁 HP「外国人生活支援ポータルサイト」（緊急・災害）

災害に遭ったときの避難情報や避難方法を、掲載しています。



● Chuẩn bị cho thiên tai

Hãy cùng chuẩn bị thật kỹ để giảm thiểu thương vong xuống mức thấp nhất.

Bản đồ phòng chống thiên tai tổng hợp

Có thể xác nhận các thông tin về nơi lánh nạn và độ sâu của nước lũ theo khu vực bạn sống.



Phòng chống đồ đạc trong nhà rơi xuống, chuẩn bị túi mang theo khi khẩn cấp, tích trữ nước và lương thực.

Có thể xác nhận bản đồ phòng chống thiên tai trên trang chủ của thành phố



● Lánh nạn tới nơi an toàn

Khi xảy ra thiên tai thì nguyên tắc là những người đang ở các vùng nguy hiểm phải ngay lập tức di chuyển tới nơi an toàn để lánh nạn. Nơi lánh nạn được chỉ định là các công trình công cộng như trường tiểu học, ...

Khu trú ẩn chỉ định thông thường, khu trú ẩn phúc lợi, khu trú ẩn chỉ định khi khẩn cấp

Có thể xác nhận bản đồ phòng chống thiên tai trên trang chủ của thành phố



Thông tin lánh nạn



● Dịch vụ truyền tin khi có thiên tai

Là dịch vụ truyền tin bằng internet, điện thoại di động hay điện thoại cố định để thực hiện liên lạc tới nơi lánh nạn hoặc xác nhận sự an toàn của gia đình và người thân một cách trôi chảy nhất.

【Dịch vụ truyền tin khi có thiên tai】

Đường dây truyền tin thiên tai (171)

Có thể ghi âm (truyền đạt) và phát lại thông tin xác nhận an toàn tới các số điện thoại như điện thoại cố định, điện thoại di động, PHS,...



NTT

Bảng truyền tin thiên tai

Có thể ghi lại tin nhắn bằng chữ và xác nhận tin nhắn đó trên số điện thoại di động, PHS,... bằng cách kết nối với internet của điện thoại di động, PHS,...



NTT/NTT Docomo



KDDI (au)



Softbank・Y mobile

Bảng tin nhắn cho trường hợp khẩn cấp (web171)

Bạn có thể đăng ký và kiểm tra thông tin an toàn (tin nhắn) bằng cách nhập số điện thoại cố định hoặc di động trên máy tính hoặc điện thoại thông minh.



●災害に備える

被害を最小限にするために事前に準備しましょう。

総合防災マップ

自分の住んでいる地域の洪水による浸水深や避難場所などを確認できます。



家具の転倒防止、非常時持ち出し袋の準備、水や食料の備蓄

市ホームページや総合防災マップで確認できます。



●安全な場所に避難する

災害時に危険な場所にいる人は安全な場所に避難することが原則です。

避難所は小学校などの公共施設が指定されています。

指定一般避難所、福祉避難所、指定緊急避難場所

市ホームページや総合防災マップで確認できます。



避難情報



●災害用伝言サービス

家族や知人の安否確認や避難場所の連絡などをスムーズに行うため、固定電話や携帯電話、インターネットで伝言できるサービスです。

【災害用伝言サービス】

災害用伝言ダイヤル（171）

固定電話や携帯電話、PHS などの電話番号宛に安否情報(伝言)を録音し、その音声を再生できます。



NTT

災害用伝言板

携帯電話や PHS のインターネット接続機能で、伝言を文字で登録し、携帯電話や PHS 番号をもとにして伝言を確認できます。



NTT ドコモ



KDDI (au)



ソフトバンク／ワイモバイル

災害用伝言板（web171）

パソコンやスマートフォンなどから固定電話や携帯電話の電話番号を入力して安否情報（伝言）の登録し、確認できます。

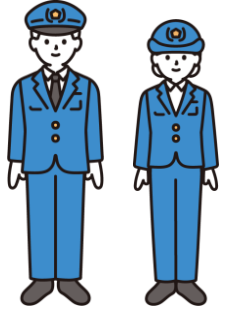


Cảnh sát (Gọi số 110)

Khi có sự kiện , sự cố , hoặc phát hiện được xin dừng vội vàng , hãy gọi số 「 1 1 0 」
Nếu không hiểu tiếng Nhật , có thể sẽ được thông dịch , Nhưng cơ bản xin gọi bằng tiếng Nhật

●Xin nói rõ

- Cái gì đang xảy ra : Tai nạn giao thông , ăn trộm , hay đánh lộn
 - Lúc nào : Bây giờ , khoảng mấy giờ... , Trước khi phân chia tầng lớp○
 - Ở đâu : 「 Khu phố ... , gần chỗ ...」
 - Nghi phạm mặc áo màu gì ? khoảng bao nhiêu tuổi ? con trai hay con gái ? Xe màu gì , biển số ?
 - Hãy cho biết Họ tên và địa chỉ của anh . Số điện thoại
 - Xin trả lời các câu hỏi của Cảnh sát.
- ※Khi không có tính khẩn cấp , xin gọi đến Đồn cảnh sát(TEL 0270-26-0110)
Hoặc liên lạc tại Bốt cảnh sát gần đó



Cứu thương / Cứu hỏa (Gọi số 119)

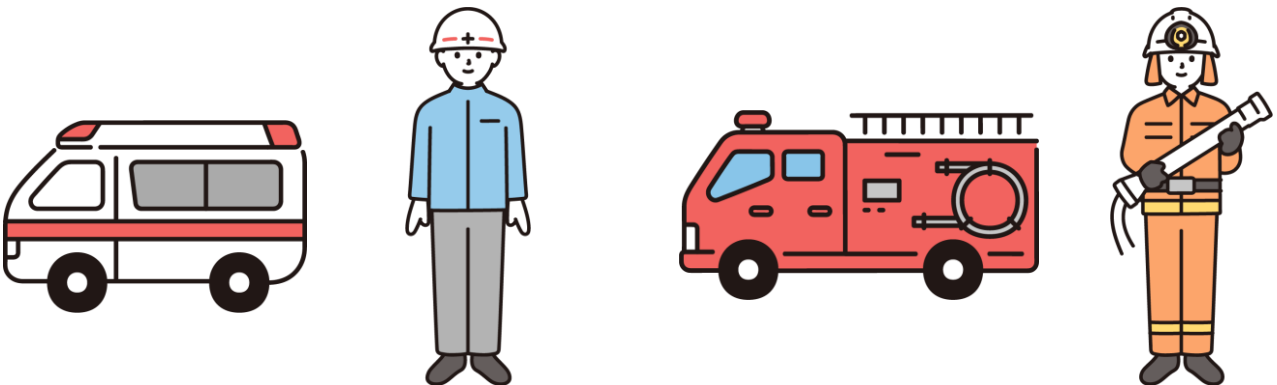
Khi xảy ra hỏa hoạn hoặc bất ngờ bị thương, bị bệnh nặng thì hãy bình tĩnh và gọi điện tới số 119.

Khi xảy ra hỏa hoạn thì hãy ngay lập tức chạy tới chỗ an toàn rồi mới gọi điện.

Nếu chỉ là vết thương hoặc bệnh nhẹ thì vui lòng không gọi xe cứu thương.

●Các liên lạc tới 119

- ①Bấm gọi số 119. Vui lòng trả lời là hỏa hoạn hay cứu thương.
- ②Vui lòng truyền đạt chính xác địa chỉ mà bạn muốn xe cứu hỏa hoặc xe cứu thương tới.
- ③Nếu không biết địa chỉ thì hãy hỏi người xung quanh hoặc nói tên của những tòa nhà dễ nhận biết gần đó.
- ④ Khi gọi xe cứu thương thì vui lòng chuẩn bị sẵn thẻ bảo hiểm và tiền.
- ⑤ Nếu nghe thấy tiếng xe cứu hỏa hoặc xe cứu thương thì hãy vẫy tay để cho nhân viên dễ nhận biết.



警察(けいさつ)への通報(110番)

事件・事故が起きたときや目撃したときは、あわてないで「110」へ電話をしてください。
日本語が分からなければ、通訳に代わることもあります。なるべく日本語で話してください。

●伝えること

- ・何があったか…こうつうじこ、どろぼう、けんか
- ・いつ…いま、〇じ 〇ふん ごろ、〇ふん くらいまえ
- ・どこで…「ばしょは 〇〇まち(ちょう)です。〇〇の ちかくです。」
- ・だれが…「はんにんは、〇〇いろの うわぎを きた 〇〇さいくらいの おとこです。」
「ナンバー〇〇の 〇〇いろの くるまが 〇〇ほうこうに にげた。」
- ・あなたの名前(なまえ)、住所(じゅうしょ)、電話番号(でんわばんごう)を伝える。
- ・警察官から聞かれたことに答える。
※緊急でないときは、警察署(TEL 0270-26-0110)、または近くの
交番・駐在所へ連絡してください。

救急・消防(きゅうきゅう・しょうぼう)への通報(119番)

火事的时候、急な病気や大きなけがをしたときは、おちついて119番に電話をしてください。

火事的时候は、安全な場所に逃げてから電話をしてください。

軽いけがや病気的时候は、救急車は使わないでください。

●119番通報のしかた

- ①119番に電話をします。火事か救急(けがや病気)か、伝えてください。
- ②消防車や救急車を向かわせるところの住所を正しく伝えてください。
- ③住所がわからないときは、近くの人に聞いたり、近くにある建物の名前を教えてください。
- ④救急的时候は、健康保険証とお金を用意してください。
- ⑤消防車か救急車の音が聞こえてきたら、手をふって案内してください。

■ Cơ quan tư vấn (Tham khảo)

Nội dung tư vấn	Tên cơ quan		Địa chỉ liên lạc	Các thứ tiếng có phiên dịch
Về tư cách lưu trú	Cục Xuất nhập cảnh	Cục xuất nhập cảnh Tokyo Cục quản lý lưu trú Sở xuất nhập cảnh Takasaki	☎ 370-0829 Takasaki Shi Takamatu Cho 26-5 Takasaki Homusho Sogo Chosha 1F TEL 027-328-1154 9:00~16:00 (Dịch vụ này không hoạt động vào ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ)	Tiếng Nhật
Thủ tục xin lưu trú		Phòng hướng dẫn	TEL 0570-013904 8:30~17:15 (Vào ngày thường) E-mail : info-tokyo@i.moj.go.jp	Tiếng Tây ban nha , Tiếng Anh, Tiếng Hoa , Tiếng Việt, Tiếng Bồ Đào Nha
- Thủ tục quản lý nhập quốc - Đời sống		Trung tâm tư vấn One stop (Trung tâm tư vấn cho người ngoại quốc)	☎ 160-0021 Tokyo To Shijuku Ku Kabuki Cho 2-44-1 「Haijia」 11F Shinjuku Tabunka Kyosei Praza TEL 03-3202-5535 9:00~16:00 (Vào ngày thường) ※ Thứ Tư vào các tuần thứ 1・3・5 trong tháng	- Tiếng Bồ Đào Nha (Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Tư) - Tiếng Tây ban nha (Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Tư) - Tiếng Anh、 Tiếng Hoa (Thứ Hai đến thứ Sáu) - Tiếng Việt (Thứ Hai, Thứ Tư) - Tiếng Indonesia (Thứ Ba) - Tiếng Tagalog (Thứ Sáu)
- Cho đời sống và công việc khi gặp khó khăn - Tư vấn cho các công ty, nghiệp đoàn đang nhận người ngoại công làm việc	Trung tâm tư vấn cho người ngoại quốc tại Tỉnh Gunma		☎ 371-0026 Maebashi-shi Otemachi 1-1-1 TEL 027-289-8275 9 : 00 ~ 17 : 00 (Vào ngày thường) ※ Tư vấn pháp luật miễn phí vào ngày Thứ tư của tuần thứ 2 và tuần thứ 4 trong tháng.	- Tiếng Anh, Tiếng Portugal, Tiếng Việt (Thứ hai đến Thứ sáu) - Tiếng Trung, tiếng Spain (Thứ hai, Thứ ba, Thứ năm. Thứ sáu) - Tiếng Nepal (Thứ Tư)
Tư vấn pháp luật miễn phí				Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Portugal, Tiếng Trung, tiếng Spain, Tiếng Nepal
Tư vấn pháp luật, đời sống	Phòng pháp luật Teras (giúp thông dịch các thứ tiếng)		TEL 0570-078377 9:00~17:00 (Vào ngày thường)	Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây ban nha, Tiếng Philippin, tiếng Anh, Tiếng Hoa, Tiếng Hàn, Tiếng Việt, Tiếng Nepal, Tiếng Thái.
Tư vấn xin việc	Halo Work Isesaki		☎ 372-0006 Isesaki Shi Ota Machi 554-10 TEL 0270-23-8609 8:30~17:15 (Vào ngày thường)	Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây ban nha, Tiếng Nhật
Tư vấn cho sự khó khăn cuộc sống	Qua đường dây nóng		TEL 0120-279-338 ※ Bấm số → 2 có máy nói hướng dẫn (Các thứ tiếng ngoại quốc) 10:00~22:00	Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây ban nha, Tiếng Philippin, tiếng Anh, Tiếng Hoa, Tiếng Hàn, Tiếng Triều Tiên, Tiếng Việt, Tiếng Nepal, Tiếng Indonesia, Tiếng Thái.
Gửi các thông tin có ích tới những người ngoại quốc đang cư trú tại Nhật	Cục quản lý cư trú xuất nhập cảnh Tokyo		 Facebook	

■相談機関(参考)

相談内容	機関名		連絡先など	対応言語
在留審査一般	出入国在留管理庁	東京出入国在留管理局 高崎出張所	〒370-0829 高崎市高松町 26-5 高崎法務総合庁舎 1F TEL 027-328-1154 9:00~16:00 (土曜日、日曜日、休日を除く)	日本語
在留手続など		インフォメーションセンター	TEL 0570-013904 8:30~17:15(平日) E-mail: info-tokyo@i.moj.go.jp	スペイン語、英語、中国語、ベトナム語、ポルトガル語など
- 入国管理手続など - 生活に関すること		ワンストップ型相談センター (外国人総合相談支援センター)	〒160-0021 東京都新宿区歌舞伎町 2-44-1「ハイア」11F しんじゅく多文化共生プラザ 内 TEL 03-3202-5535 9:00~16:00(平日) ※水曜日は第1・3・5のみ	- ポルトガル語(月・火・水) - スペイン語(月・火・水) - 英語、中国語(月~金) - ベトナム語(月・水) - インドネシア語(火) - カンボジア語(金)
- 生活や仕事などの悩みごと - 外国人を受け入れている事業者等からの相談	ぐんま外国人総合相談ワンストップセンター		〒371-0026 前橋市大手町 1-1-1 TEL 027-289-8275 9:00~17:00(平日) ※無料法律相談は毎月第2・4火曜日	- 英語、ポルトガル語、ベトナム語(月~金) - 中国語、スペイン語(月・火・木・金) - ベトナム語(水)
無料法律相談				英語、ポルトガル語、ベトナム語、中国語、スペイン語、ベトナム語
日本の法制度や相談窓口情報の紹介	法テラス (多言語情報提供サービス)		TEL 0570-078377 9:00~17:00(平日)	ポルトガル語、スペイン語、カンボジア語、英語、中国語、韓国語、ベトナム語、ベトナム語、タイ語など
仕事の紹介・相談	ハローワーク伊勢崎		〒372-0006 伊勢崎市太田町 554-10 TEL 0270-23-8609 8:30~17:15(平日)	ポルトガル語、スペイン語、日本語など
悩み相談	よりそいホットライン		TEL 0120-279-338 ※音声ガイダンス→2番を押す(外国語対応) 10:00~22:00	ポルトガル語、スペイン語、カンボジア語、英語、中国語、韓国・朝鮮語、ベトナム語、ベトナム語、インドネシア語、タイ語
在留外国人の方々に役立つ情報を発信	東京出入国在留管理局		 Facebook	

Trong video này, chúng tôi sẽ giới thiệu năm quy tắc và thủ tục cần thiết hữu ích cần biết khi sống ở Thành phố Isesaki.

【Tiếng Nhật dễ hiểu】



【Tiếng Anh】



【Tiếng Bồ Đào Nha】



【Tiếng Tây ban nha】

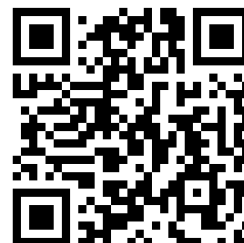


【Tiếng Việt】



この動画では、伊勢崎市で生活するときに知っておくと便利なルールや、必要な手続きを5つ紹介します。

【やさしい日本語】



【英語】



【ポルトガル語】



【スペイン語】



【ベトナム語】



